

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500217389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 21/03/2007, Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ cấp đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 22/09/2025)

Nagakawa

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 42 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 3 năm 2026)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày / /202 tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ

Điện thoại: (84-21) 1387 3568

Fax: (84-21) 1354 8020

Website: nagakawa.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Địa chỉ: Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3928 8080

Fax: (84-24) 3928 9888

Website: www.bvsc.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Thị Huyền Thương - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Số điện thoại: (84-24) 3215.1329



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500217389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 21/03/2007, Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ cấp đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 22/09/2025)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

1. Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa**
2. Loại cổ phiếu: **Cổ phiếu phổ thông**
3. Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phiếu**
4. Giá chào bán: **10.000 đồng/cổ phiếu**
5. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: **19.310.116 cổ phiếu**
6. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: **193.101.160.000 đồng**
7. Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Trụ sở: Tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 6 Nguyễn Công Hoan, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3761 3399

Fax: (84-24) 3761 5599

8. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Trụ sở: Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, P. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3928 8080

Fax: (84-24) 3928 9888

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	6
1. Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa	6
2. Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.....	6
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1. Rủi ro về kinh tế.....	7
2. Rủi ro về luật pháp.....	11
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	11
4. Rủi ro về đợt chào bán	12
5. Rủi ro pha loãng.....	13
6. Rủi ro quản trị công ty	15
7. Rủi ro khác.....	16
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	17
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	18
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành	18
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành	18
3. Cơ cấu tổ chức	23
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành	25
5. Thông tin về Công ty mẹ, Công ty con của Tổ chức phát hành, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những Công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	28
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....	30
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác	31
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	31
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	32
10. Hoạt động kinh doanh.....	32
11. Chính sách lao động.....	60
12. Chính sách cổ tức.....	62
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	62
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành	62

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.	62
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.	62
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	63
1. Kết quả hoạt động kinh doanh	63
2. Tình hình tài chính	66
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	81
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	82
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	84
1. Thông tin về cổ đông sáng lập	84
2. Thông tin về cổ đông lớn	85
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm Soát viên, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.....	88
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	103
1. Loại cổ phiếu.....	103
2. Mệnh giá cổ phiếu.....	103
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	103
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá.....	103
5. Giá chào bán dự kiến	103
6. Phương pháp tính giá	103
7. Phương thức phân phối	104
8. Đăng ký mua cổ phiếu	104
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	106
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu	106
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	106
12. Biện pháp bảo đảm tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	107
13. Các loại thuế có liên quan.....	107
14. Thông tin về các cam kết	109

15. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:	109
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	109
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	109
1. Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành.....	109
2. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành	109
3. Thông tin chi tiết về phương án sử dụng vốn thực hiện dự kiến	111
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	112
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	112
XII. PHỤ LỤC.....	113

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****1. Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa****Ông: Nguyễn Ngọc Quý**

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà: Nguyễn Thị Huyền Thương

Chức vụ: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Bà: Trịnh Thị Phụng

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt**Đại diện theo pháp luật: Ông: Nhữ Đình Hòa**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn chào bán cổ phiếu số 91/2025/BVSC-NAG/TV-PH.CP ngày 29 tháng 07 năm 2025 với Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa. Với tư cách là tổ chức tư vấn, tuân thủ các quy định của pháp luật, chúng tôi chịu trách nhiệm trong phạm vi công việc tư vấn của mình và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý, trung thực và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa (“NAG/Nagakawa”) hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, cụ thể là cung ứng các sản phẩm điện lạnh, sản phẩm hàng gia dụng và sản phẩm thiết bị nhà bếp nhập khẩu. Kết quả kinh doanh và triển vọng phát triển của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố rủi ro (bao gồm nhưng không giới hạn) được đề cập dưới đây:

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái, v.v... Các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Nagakawa nói riêng.

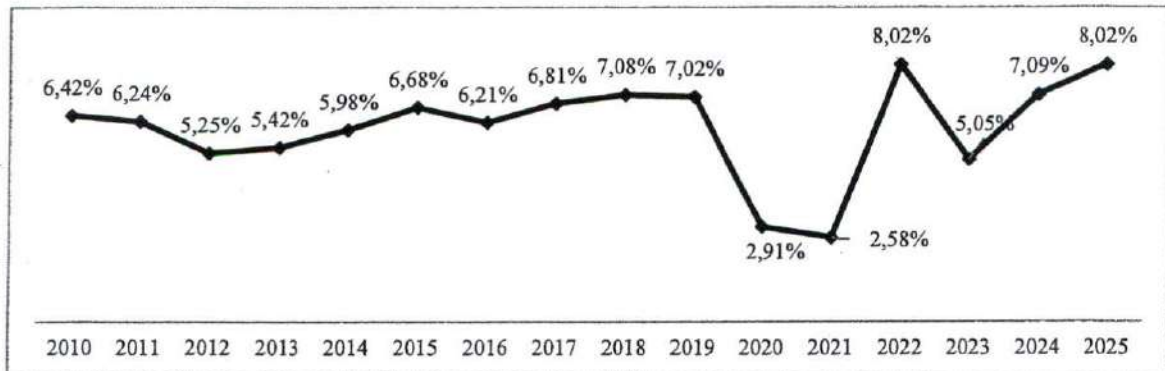
1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Biến động của môi trường kinh tế vĩ mô có thể tác động đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tại hầu hết các ngành nghề nói chung và NAG nói riêng. Nền kinh tế sôi động, tăng trưởng tích cực là môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp có nhiều cơ hội để phát triển và ngược lại.

Kinh tế Việt Nam năm 2024 dưới sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao của Chính phủ, tiếp tục xu hướng phục hồi rõ nét, tăng trưởng khởi sắc dần qua từng quý, kết quả trên nhiều lĩnh vực quan trọng đạt và vượt mục tiêu đề ra. GDP cả nước năm 2024 tăng 7,09% so với năm 2023, vượt chỉ tiêu được Chính phủ đưa ra ở mức 7%. Tăng trưởng kinh tế vượt trội của Việt Nam là điểm sáng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu vẫn còn nhiều khó khăn với nhiều yếu tố rủi ro, bất ổn định.

GDP năm 2025 tăng trưởng khá với mức tăng đạt 8,02% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%. Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp đạt mức tăng cao nhất kể từ năm 2019 đến nay. Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2025 ghi nhận mức tăng trưởng bứt phá so với cùng kỳ, đạt mốc 9,2%. Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp năm 2025 ước tăng 8,80% so với năm trước, đóng góp 35,15% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Trong khu vực dịch vụ, các ngành có đóng góp nổi bật bao gồm: Bán buôn và bán lẻ tăng 8,52% so với năm trước, đóng góp 10,62% vào mức tăng GDP; ngành vận tải, kho bãi tăng 10,99%, đóng góp 8,69%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,82%, đóng góp 5,72%. Hoạt động xuất nhập khẩu tiếp tục đà tăng trưởng với kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng 17,0% và kim ngạch nhập khẩu tăng trưởng 17% và kim ngạch nhập khẩu tăng trưởng 19,4% so với năm 2024.

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân qua các năm



Nguồn: BVSC tổng hợp

1.2. Lạm phát

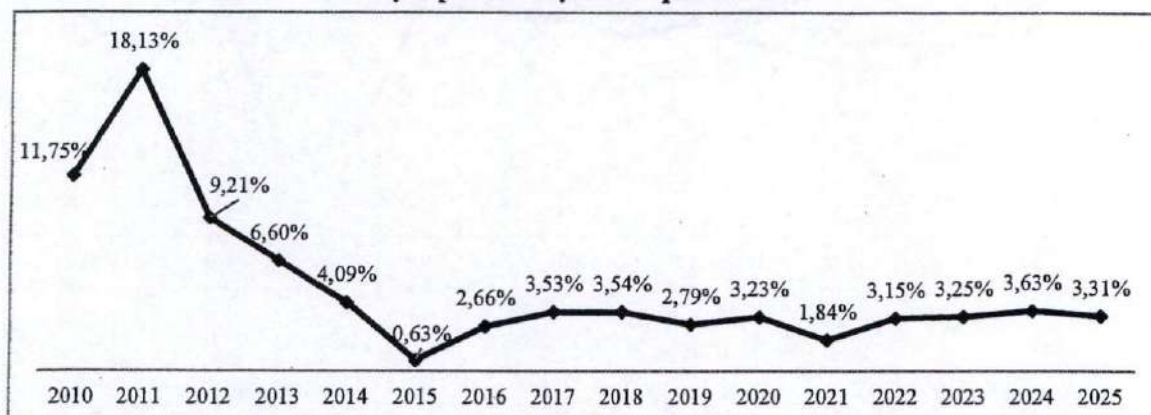
Năm 2024, Việt Nam tiếp tục thuộc nhóm các nước kiểm soát tốt lạm phát khi CPI bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm trước. Đây là năm thứ 10 liên tiếp Việt Nam duy trì được mức lạm phát trung bình dưới 4%, điều này góp phần đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng kinh tế bền vững, củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài vào đồng nội tệ và môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Thành công trong kiểm soát lạm phát là kết quả của sự phối hợp đồng bộ giữa chính sách tiền tệ (CSTT), chính sách tài khóa (CSTK) và các chính sách kinh tế vĩ mô khác, giữa các bộ, ngành quản lý kinh tế ở Trung ương và các địa phương trong công tác quản lý, điều hành giá, đảm bảo cân đối cung, cầu và lưu thông các mặt hàng trên thị trường và sự phản ứng chủ động, linh hoạt, kịp thời của các cơ quan chức năng trước những diễn biến mới từ thị trường quốc tế và nội địa.

Kế hoạch lạm phát năm 2025 của Việt Nam đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát tương đối thận trọng, ở mức 4,5% - 5% theo Nghị quyết 192/2025/QH15 ngày 19/02/2025. Năm 2025, Ngân hàng nhà nước Việt Nam điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, nhằm kiểm soát lạm phát, góp phần tăng trưởng kinh tế. Theo số liệu từ Tổng cục thống kê, chỉ số CPI của các tháng trong năm 2025 nhìn chung đều nằm trong ngưỡng kiểm soát lạm phát và có biến động ổn định hơn so với 2 năm liền trước 2023 – 2024. Bình quân cả năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 3,21% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 3,44% của CPI bình quân chung, nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản. Tính chung cả năm 2025, CPI tăng 3,31% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Rủi ro về lạm phát và tăng giá ảnh hưởng tới chi tiêu của toàn nền kinh tế, tác động đến tất cả các ngành nghề kinh doanh. Ngoài ra, lạm phát còn có thể tác động đẩy giá thành sản xuất lên cao khi giá các nguyên vật liệu đầu vào và giá nhân công đều tăng. Mặc dù tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức ổn định trong một vài năm trở lại đây nhưng không thể đảm bảo rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai. Nếu lạm phát tăng cao đáng

kể thì chi phí của Công ty dự kiến sẽ tăng và gây ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Lạm phát ở Việt Nam qua các năm



Nguồn: BVSC tổng hợp

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, cung ứng các sản phẩm điện lạnh và gia dụng như Nagakawa, trong trường hợp lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Nagakawa thông qua sự gia tăng của các chi phí như chi phí hàng hóa đầu vào, chi phí vận chuyển, chi phí nhân sự,... từ đó làm giảm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.3. Lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất là chỉ số có ý nghĩa quan trọng mà Nagakawa phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên để hoạch định chiến lược đầu tư phù hợp. Đa số doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tăng sẽ khiến cho chi phí đầu vào và giá thành sản phẩm tăng lên, khiến lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh suy giảm. Khi đó, các doanh nghiệp sẽ có xu hướng cắt giảm và thu hẹp quy mô hoạt động. Trong khi đó, cắt giảm lãi suất sẽ là động lực cho doanh nghiệp giảm chi phí và giá thành, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Hơn thế, lãi suất thấp là động lực cho các doanh nghiệp mở rộng đầu tư và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, kích thích tăng trưởng kinh tế vĩ mô, tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo kết quả điều tra của Vụ Dự báo Thống kê của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, tính chung cả năm 2024, các tổ chức tín dụng tăng nhẹ (0,1 điểm phần trăm) mặt bằng lãi suất huy động và mặt bằng lãi suất cho vay giảm nhẹ (0,09 điểm phần trăm) so với cuối năm 2023.

Trong 09 tháng đầu năm 2025, hoạt động tín dụng tăng trưởng mạnh với dư nợ đạt hơn 17,7 triệu tỷ đồng, tương ứng mức tăng khoảng 13,37% so với cuối 2024 - tức các ngân hàng đã

cho vay thêm gần 2,1 triệu tỷ đồng trong giai đoạn này. Về lãi suất huy động, mặt bằng lãi suất nhìn chung ổn định với độ phân hóa cao giữa các ngân hàng: kỳ hạn 1-3 tháng phổ biến trong khoảng 1,6 - 4,1%/năm, kỳ hạn 6 - 9 tháng dao động 2,9 - 5,35%/năm, và kỳ hạn 12 tháng là 3,7 - 5,6%/năm. Về lãi suất cho vay, đến ngày 8/9/2025, lãi suất cho vay bình quân mới được công bố là 6,38%/năm, giảm khoảng 0,56 điểm phần trăm so với cuối năm 2024.

Diễn biến lãi suất trong Quý IV/2025 ghi nhận xu hướng tăng nhẹ tại nhóm ngân hàng thương mại cổ phần, trong khi nhóm ngân hàng thương mại Nhà nước vẫn duy trì mặt bằng lãi suất tương đối ổn định so với quý liền trước. Mặt bằng lãi suất trong kỳ tăng nhẹ theo yếu tố mùa vụ, phản ánh nhu cầu vốn gia tăng vào cuối năm. Bên cạnh đó, đà tăng trưởng dư nợ tín dụng đóng vai trò là động lực chính thúc đẩy lãi suất phục hồi; đồng thời, tỷ giá USD/VND tăng cao cũng tạo áp lực nhất định lên lãi suất nhằm góp phần ổn định giá trị đồng VND.

1.4. Tỷ giá

Nagakawa có hoạt động nhập khẩu các sản phẩm hàng hóa trong lĩnh vực điện lạnh, gia dụng từ một số quốc gia như Indonesia, Thái Lan, Malaysia, Trung Quốc. Vì vậy, những biến động về tỷ giá cũng là một trong những yếu tố có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2024, tỷ giá USD/VND tại Việt Nam đã trải qua nhiều biến động đáng kể. Đồng Việt Nam (VND) mất giá mạnh nhất trong 13 năm qua, với mức giảm khoảng 4,6% so với đồng USD. Cụ thể, đến ngày 31/12/2024, tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) công bố đạt 24.335 VND/USD, tăng gần 2% so với cuối năm 2023. Tỷ giá USD bán ra tại các ngân hàng thương mại đạt mức cao kỷ lục 25.551 VND/USD, tăng 4,6% so với cuối năm trước.

Để ổn định thị trường ngoại hối, NHNN đã can thiệp bằng cách bán ra khoảng 9,8 tỷ USD từ dự trữ ngoại hối trong năm 2024. Điều này đã làm giảm dự trữ ngoại hối xuống còn khoảng 80 tỷ USD vào cuối năm, tương đương 2,5 tháng nhập khẩu, thấp hơn so với mức 3,3 tháng vào cuối năm 2023.

Nguyên nhân chính dẫn đến biến động tỷ giá trong năm 2024 xuất phát từ chính sách tiền tệ thắt chặt quyết liệt của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) trong năm 2024. Với mục tiêu kiềm chế lạm phát kéo dài, Fed đã thực hiện nhiều đợt tăng lãi suất mạnh mẽ. Lãi suất quỹ liên bang (Federal Funds Rate) đã được nâng từ mức 0,25% - 0,50% vào đầu năm lên mức 5,25% - 5,50% vào cuối năm 2024. Điều này không chỉ làm tăng chi phí vay vốn bằng USD mà còn củng cố sức hấp dẫn của đồng bạc xanh trên thị trường quốc tế, thu hút dòng vốn đầu tư và gây áp lực mất giá lên các đồng tiền khác, bao gồm cả VND. Thêm vào đó, các yếu tố kinh tế toàn cầu bất ổn, như lo ngại về suy thoái kinh tế ở một số khu vực và căng thẳng địa chính trị, cũng góp phần làm tăng nhu cầu nắm giữ USD như một tài sản trú ẩn an toàn.

Năm 2025, tỷ giá USD/VND tiếp tục đi lên với tỷ giá trung tâm tại thời điểm cuối tháng

12/2025 ước tính đã tăng khoảng 3,2% so với cùng kỳ năm 2024 và tỷ giá bán tự do nằm trên mốc 26.300 đồng. Tỷ giá trong năm 2025 tăng cao có thể chủ yếu do các nguyên nhân từ trong nước, bao gồm việc Kho bạc Nhà nước chào mua USD từ các ngân hàng thương mại, đặc biệt là trong 06 tháng đầu năm khiến cho nguồn cung ngoại tệ thắt chặt, trong khi nhu cầu ngoại tệ của các doanh nghiệp trong nước cao để phục vụ hoạt động nhập khẩu. Trong năm 2025, cán cân thương mại khu vực doanh nghiệp trong nước nhập siêu 29,43 tỷ USD. Mặt khác, chính sách nới lỏng tiền tệ của NHNN trong năm 2025 và việc lãi suất VND liên ngân hàng giảm đã khiến chênh lệch lãi suất VND – USD đảo chiều âm mạnh, gây thêm áp lực lên tỷ giá.

Sự biến động của tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Khi tỷ giá biến động tăng, các doanh nghiệp xuất khẩu được hưởng lợi, trong khi các doanh nghiệp nhập khẩu lại chịu áp lực từ việc các chi phí nhập khẩu, phí vận tải tăng cao, từ đó ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của Công ty. CTCP Tập đoàn Nagakawa hiện có hoạt động nhập khẩu các sản phẩm điện lạnh và gia dụng từ các thị trường như Indonesia, Malaysia và Trung Quốc. Do đó, biến động tỷ giá là một trong những yếu tố ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu tác động tiêu cực từ biến động tỷ giá, Nagakawa thường xuyên theo dõi, phân tích các yếu tố tác động đến tỷ giá và kịp thời điều chỉnh chính sách nhập hàng, bán hàng... nhằm phù hợp với diễn biến thị trường.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng đến hoạt động của Nagakawa khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của Nagakawa, chiến lược phát triển ngành liên quan đến hoạt động của Nagakawa. Hiện tại, hoạt động của Nagakawa chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thuế, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường,... và các văn bản liên quan khác.

Là một công ty đại chúng đã niêm yết chứng khoán, Nagakawa còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan. Vì vậy, những thay đổi của các văn bản pháp lý trong lĩnh vực này đều ảnh hưởng đến hoạt động của Nagakawa.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Nagakawa liên tục cập nhật những thay đổi về các quy định của luật pháp liên quan đến hoạt động của Nagakawa, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Để ngăn chặn các phát sinh theo hướng tiêu cực của rủi ro, Nagakawa đã xây dựng hệ thống quản trị nội bộ theo các quy định của pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù ngành

3.1. Rủi ro giá vốn hàng hóa đầu vào

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Nagakawa hiện nay là phân phối các sản phẩm điện lạnh và hàng gia dụng được nhập khẩu trực tiếp từ các nhà cung cấp quốc tế, vì vậy, giá và sản lượng từ các nhà cung cấp có thể biến động và chịu ảnh hưởng bởi những yếu tố khách quan và chủ quan. Bên cạnh đó, chi phí logistics cũng như cước vận chuyển hàng hóa của doanh nghiệp cũng chịu ảnh

hường trực tiếp từ những biến động về giá dầu trên thị trường thế giới và tình trạng căng thẳng chuỗi cung ứng toàn cầu, khiến chi phí nhập khẩu có nguy cơ gia tăng và ảnh hưởng đến biên lợi nhuận gộp của Công ty.

Để giảm thiểu được rủi ro về giá vốn hàng hóa đầu vào, Công ty đã chủ động tìm kiếm những nhà cung cấp uy tín nhằm đảm bảo về giá vốn hàng hóa ổn định, thời gian giao hàng đúng hạn, cũng như chất lượng sản phẩm đảm bảo.

3.2. Rủi ro cạnh tranh

Việt Nam đã gia nhập tổ chức thương mại quốc tế (WTO) và ký kết các hiệp định EVFTA, CPTTP, điều này đã tạo ra nhiều cơ hội cũng như thách thức cho các doanh nghiệp trong nước cần nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển phải phù hợp với tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế.

Việc mở cửa thị trường sẽ tạo ra áp lực cạnh tranh gay gắt cho tất cả các doanh nghiệp hiện đang hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm điện lạnh và hàng gia dụng. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh, công nghệ hiện đại và phương pháp quản lý khoa học sẽ là những đối thủ cạnh tranh khốc liệt đối với các doanh nghiệp trong nước.

Hiện nay, trên thị trường phân phối các sản phẩm điện lạnh và hàng gia dụng có rất nhiều những doanh nghiệp cả trong và ngoài nước đang hoạt động và cạnh tranh thị phần trực tiếp với Nagakawa, một số hãng:

- Trong nước: Gree, Funiki, Sunhouse, Kangaroo, Goldsun, HappyCook, v.v...
- Quốc tế: Samsung, Panasonic, LG, Hitachi, Sharp, Daikin, Mitsubishi, Casper, v.v...

Để thích ứng với mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường, Công ty chú trọng nâng cao năng lực cạnh tranh của mình, không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa mẫu mã, tăng cường các hoạt động truyền thông – Marketing thương hiệu Nagakawa đến người tiêu dùng cũng như các chính sách sau bán hàng. Đồng thời, Công ty cũng luôn bám sát thông tin thị trường, theo dõi hoạt động của các đối thủ cạnh tranh để có sự điều chỉnh chính sách phù hợp nhằm đảm bảo thị phần cạnh tranh của mình.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1. Rủi ro của đợt chào bán

Trong đợt huy động vốn lần này, Công ty sẽ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Căn cứ nhu cầu vốn của NAG cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông thực hiện quyền, HĐQT đã thông qua mức giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu bằng với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐQCĐ-NAG ngày 22/08/2025. Với mức giá chào bán như vậy, đợt chào bán có khả năng thành công 100%.

Sau khi kết thúc thời gian thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu, đối với số cổ phiếu không chào bán hết (do cổ phiếu lẻ phát sinh hoặc cổ đông hiện hữu không mua/không mua hết), HĐQT

sẽ tiếp tục phân phối cho các nhà đầu tư quan tâm với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu không chào bán hết khi phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Trong trường hợp do một số nguyên nhân khách quan như: các yếu tố vĩ mô làm giảm kỳ vọng của nhà đầu tư về thị trường chứng khoán, đợt chào bán không có bảo lãnh phát hành hay dịch bệnh bùng phát trên phạm vi toàn cầu... và/hoặc do giá giao dịch trên thị trường của NAG trong khoảng thời gian thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu thấp hơn giá chào bán (10.000 đồng/cổ phần) dẫn đến đợt chào bán không đạt tỷ lệ thực hiện quyền như mong muốn và số tiền thu về không đạt được như dự kiến; đối với phần vốn thiếu hụt, Công ty sẽ bù đắp cho phương án sử dụng vốn bằng nguồn huy động khác thông qua các hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

4.2. *Rủi ro của việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán*

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ-NAG ngày 22/08/2025, toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán được sử dụng cụ thể như sau:

TT	Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán	Số tiền dự kiến (đồng)
1	Trả nợ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)	100.000.000.000
2	Trả nợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	93.101.160.000
	Tổng cộng	193.101.160.000

Việc sử dụng nguồn vốn huy động đã được Công ty xem xét thận trọng và nằm trong chiến lược ngắn hạn và định hướng phát triển của Công ty, được kiểm soát và quản lý chặt chẽ, từ đó giúp tối thiểu hóa rủi ro và tối đa hóa hiệu quả kinh doanh.

Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì thứ tự mục đích ưu tiên cụ thể như sau: Số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán sẽ được ưu tiên giải ngân để thanh toán các khoản vay đến hạn phải trả của các ngân hàng nêu trên theo nguyên tắc: khoản vay đến hạn trước sẽ được thanh toán trước, không phân biệt khoản vay của ngân hàng nào, đảm bảo nghĩa vụ thanh toán và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

5. **Rủi ro pha loãng**

Theo quyết định số 548/QĐ-SGDHN ngày 22/09/2009, Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã cổ phiếu NAG.

Sau khi hoàn tất đợt chào bán, các nhà đầu tư nên lưu ý các rủi ro liên quan đến pha loãng cổ phiếu bao gồm: pha loãng về giá cổ phiếu; pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS); pha loãng

giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV).

➤ **Rủi ro pha loãng về giá cổ phiếu:**

Thông thường, cổ phiếu Công ty cổ phần đã giao dịch tập trung hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật về giá, giá pha loãng khi có cổ phiếu mới phát hành theo công thức sau:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$

Trong đó:

P : là giá tham chiếu của cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền (giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng);

P_{t-1} : là giá cổ phiếu trước ngày giao dịch không hưởng quyền (giá cổ phiếu trước khi bị pha loãng);

I : là tỷ lệ vốn tăng;

PR : là giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới.

Do đó, cổ phiếu NAG khi giao dịch tại HNX sẽ bị ảnh hưởng bởi điều chỉnh kỹ thuật về giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán khi thực hiện phát hành cho cổ đông hiện hữu.

Ví dụ: Ngày T là ngày giao dịch không hưởng quyền của các cổ đông để thực hiện chốt danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán của cổ phiếu NAG. Giả định giá của cổ phiếu NAG tại ngày T-1 là 15.000 đồng/cổ phần. Tỷ lệ chào bán là 2:1 (Theo đó, cổ đông sở hữu 02 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền sẽ được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm), giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm quyền mua cổ phiếu theo phương án phát hành là $PR = 10.000$ đồng/cổ phần. Theo công thức nêu trên, giá tham chiếu của cổ phiếu tại ngày T, sau khi bị pha loãng là:

$$P = (15.000 + 50\% \times 10.000) / (1 + 50\%) = 13.333 \text{ (đồng)}.$$

➤ **Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần:**

Dự kiến mức độ pha loãng EPS sau phát hành cho cổ đông hiện hữu của CTCP Tập đoàn Nagakawa năm 2025 như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
1.	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 (Theo BCTC quý 4 năm 2025 hợp nhất tự lập của NAG)	Đồng	32.782.165.951

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
2.	Số lượng cổ phiếu lưu hành vào thời điểm phát hành	Cổ phần	38.620.233
3.	Số lượng cổ phiếu lưu hành sau khi phát hành (dự kiến)	Cổ phần	57.930.349
4.	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu năm 2025 (dự kiến) khi chưa phát hành	Đồng	849
5.	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu năm 2025 (dự kiến) khi hoàn thành đợt phát hành	Đồng	566

Việc tăng số lượng cổ phiếu từ việc phát hành thêm đã làm cho EPS dự kiến năm 2025 giảm từ 849 đồng/cổ phiếu xuống 566 đồng/cổ phiếu, tương ứng mức giảm 50%. Tuy nhiên, việc EPS dự kiến năm 2025 điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời. Với nguồn vốn thu được từ đợt phát hành thì hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa trong thời gian tới sẽ đạt được những hiệu quả nhất định và sẽ tạo được sự tăng trưởng EPS trong những năm tiếp theo.

➤ ***Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV):***

Công thức tính pha loãng BV dự kiến như sau:

$$BV_{pha\ loang} = NVCSH/Qbq$$

Trong đó:

BV pha loãng: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt phát hành.

NVCSH: Nguồn vốn chủ sở hữu trong kỳ thuộc về cổ đông.

Qbq: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân sau khi phát hành.

Sau đợt chào bán, Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Công ty có thể biến động phụ thuộc vào tốc độ tăng của giá trị nguồn vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu lưu hành. Nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu lưu hành (giả sử các yếu tố khác không thay đổi) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm và ngược lại.

Trường hợp giá phát hành cao hơn giá giao dịch tại ngày giao dịch không hưởng quyền

Trường hợp giá phát hành của cổ phiếu NAG cao hơn giá giao dịch trên sàn tại ngày giao dịch không hưởng quyền, theo quy chế giao dịch của HNX, giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ không điều chỉnh sau khi đã điều chỉnh các quyền khác (nếu có).

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro có thể xuất phát từ việc quản trị Công ty yếu kém có thể ảnh hưởng tới sự phát triển lâu

dài của doanh nghiệp là rủi ro tiềm ẩn không chỉ của Công ty nói riêng mà các doanh nghiệp nói chung. Việc quản trị yếu kém có thể gây ra những hậu quả như: đầu tư thiếu hiệu quả, lãng phí vốn, chi phí vốn cao, mất cân đối tài chính, không có hoặc sai định hướng phát triển, sản phẩm dịch vụ chưa đáp ứng thị trường và những bất đồng nội bộ gây ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của cổ đông. Việc cán bộ công nhân viên, lãnh đạo cấp cao không thực hiện đúng và đủ trách nhiệm cũng như vai trò được giao sẽ gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào. Nhằm hạn chế và giảm thiểu các rủi ro liên quan đến quản trị, Công ty luôn chú trọng việc quản trị rủi ro và giám sát việc thực hiện các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Nagakawa có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh,... Nếu xảy ra, những rủi ro đó có thể sẽ gây thiệt hại về con người, tài sản của Nagakawa hoặc làm cho hoạt động kinh doanh của Nagakawa bị ảnh hưởng.

III. CÁC KHÁI NIỆM

BCTC	: Báo cáo tài chính
BKS	: Ban kiểm soát
BVSC	: Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
CTCP	: Công ty cổ phần
Công ty, Doanh nghiệp, NAG, Nagakawa	: Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa
DTT	: Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
HĐTV	: Hội đồng thành viên
HNX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
Luật Doanh nghiệp	: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
Luật Chứng khoán	: Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
TGD	: Tổng Giám đốc
Thuế GTGT/ VAT	: Thuế giá trị gia tăng
Thuế TNCN	: Thuế thu nhập cá nhân
Thuế TNDN	: Thuế thu nhập doanh nghiệp
TMĐT	: Thương mại điện tử
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VND	: Việt Nam Đồng
VSDC	: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành**

Tên Công ty đầy đủ	: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
Tên viết tắt	: NAGAKAWA GROUP
Tên quốc tế	: NAGAKAWA GROUP JOINT STOCK COMPANY
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	: 2500217389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 21/03/2007, Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ cấp đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 22/09/2025.
Địa chỉ trụ sở chính	: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Số điện thoại	: (84-21) 1387 3568
Số fax	: (84-21) 1354 8020
Website	: www.nagakawa.com.vn
Vốn điều lệ hiện tại	: 386.202.350.000 đồng
Người đại diện theo pháp luật	: Nguyễn Thị Huyền Thương – Chức vụ: Tổng Giám đốc
Mã cổ phiếu	: NAG
Sàn niêm yết	: HNX
Logo	: Nagakawa

Ngành nghề kinh doanh chính:

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
2640 (Chính)	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng
2750	Sản xuất đồ điện dân dụng
	Chi tiết: - Sản xuất đồ điện dân dụng - Sản xuất điều hoà không khí
2790	Sản xuất thiết bị điện khác
	Chi tiết: - Sản xuất và mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện
Các ngành nghề khác chi tiết theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty	

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa là tập đoàn kinh tế tư nhân hoạt động trong lĩnh vực

cung cấp các sản phẩm điện lạnh, gia dụng và thiết bị nhà bếp với sản phẩm chủ lực là máy điều hòa không khí, tủ đông, máy làm mát, sản phẩm gia dụng thương hiệu Nagakawa.

Gia nhập thị trường Việt Nam vào năm 2002, bằng những nỗ lực không ngừng, Nagakawa đã trở thành thương hiệu uy tín tại Việt Nam và liên tục mở rộng các ngành nghề mới như đầu tư tài chính, gia dụng và đặc biệt là cung ứng các sản phẩm điều hòa công nghiệp công suất lớn phục vụ nhu cầu của các công trình thương mại, dịch vụ và sản xuất công nghiệp.

Mục tiêu của Nagakawa là trở thành tập đoàn kinh tế lớn mạnh, tận dụng tiềm lực và nội lực tích lũy hơn 20 năm để nỗ lực hoàn thiện, phát triển năng động, bền vững trong tiến trình hội nhập quốc tế.

➤ **CÁC MỐC PHÁT TRIỂN:**

Ngày 22/08/2002: Nagakawa thành lập, tiền thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam, số vốn pháp định là 100 tỷ đồng.

Ngày 21/3/2007: Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 UBND tỉnh Vĩnh Phúc. Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 21/03/2007.

Tháng 9/2009: Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam chính thức niêm yết 10 triệu cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, đây là mốc son quan trọng đánh dấu một bước ngoặt lịch sử trong quá trình phát triển của Tập đoàn Nagakawa.

Tháng 12/2009: Thành lập Công ty Đầu tư và phát triển kỹ thuật Nagakawa – IDT. Công ty Nagakawa – IDT chuyên cung cấp và lắp đặt hệ thống máy công suất lớn cho các công trình thương mại.

Tháng 7/2010: Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 110 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện tỷ lệ 20:1 và trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20:1.

Tháng 2/2011: Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam tăng vốn điều lệ từ 110 tỷ đồng lên 135 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược.

Tháng 8/2011: Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam tăng vốn điều lệ từ 135 tỷ đồng lên 148.5 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức 5% và cổ phiếu thưởng 5%.

Tháng 8/2017: Thành lập công ty điện tử Nagakawa với các mặt hàng về gia dụng, điện gia dụng như một nhánh mới tạo sự đa dạng và phong phú thêm về lĩnh vực hoạt động của Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng với mục tiêu sẽ trở thành Top 3 doanh nghiệp gia dụng lớn nhất Việt Nam.

Ngày 21/8/2017: Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 21/8/2017.

Ngày 6/11/2019: Nagakawa chính thức ra mắt website thương mại điện tử riêng <https://www.shop.nagakawa.com.vn>, đánh dấu một bước ngoặt mới của Công ty trong kỷ nguyên 4.0.

Năm 2020: Nagakawa chính thức ra mắt ngành hàng Thiết bị nhà bếp Cao cấp góp phần hoàn thiện hệ sinh thái nhà bếp của Nagakawa. Năm 2020, Nagakawa ra mắt Chiến lược thương hiệu mới “An tâm toàn diện” với mục tiêu “Lấy khách hàng làm trung tâm”.

Năm 2021: Tập đoàn Nagakawa được WorldBank (Ngân hàng Thế giới) và Bộ Tài nguyên & Môi trường lựa chọn là nhà sản xuất tham gia dự án: “Loại trừ sử dụng công nghệ HCFC-22 và chuyển đổi sang công nghệ HFC-32 trong sản xuất điều hòa không khí tại Việt Nam”.

Ngày 23/08/2022: Sở GDCK Hà Nội đã có quyết định số 585/QĐ-SGDHN chấp thuận cho CTCP Nagakawa Việt Nam được niêm yết bổ sung 13.965.400 cổ phiếu phát hành theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 148/GCN-UBCK ngày 30/05/2022.

Ngày 02/11/2022: Sở GDCK Hà Nội đã có quyết định số 774A/QĐ-SGDHN chấp thuận cho CTCP Nagakawa Việt Nam được niêm yết bổ sung 998.517 cổ phiếu phát hành trả cổ tức năm 2021 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-NAG ngày 12/02/2022.

Ngày 01/12/2022: Nhà máy Nagakawa thứ 2 có trụ sở tại Hưng Yên đã chính thức đi vào hoạt động.

Ngày 06/11/2023: Thành lập Công ty cổ phần Công nghệ cao Nagakawa.

Ngày 19/11/2024: ra mắt sản phẩm AN ERP - phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp toàn diện với sứ mệnh “Đồng hành cùng doanh nghiệp Việt trên hành trình chuyển đổi số”.

Tháng 08/2025: Vốn điều lệ của Nagakawa đạt 386.202.350.000 đồng.

➤ CÁC THÀNH TÍCH VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU:

STT	Thành tích đạt được	Năm	Cấp khen thưởng
1.	Top 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc Việt Nam năm 2025	2025	Vietnam Report
2.	Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2025	2025	Vietnam Report
3.	Vinh danh Đã có đóng góp vào sự phát triển của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)	2025	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

STT	Thành tích đạt được	Năm	Cấp khen thưởng
	2025		
4.	Top Tổ chức/ Doanh nghiệp KH & CN, Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số	2025	Hội đồng Trung ương Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam
5.	Top Doanh nghiệp có sản phẩm số thông minh và giải pháp công nghệ công nghiệp 4.0 – An ERP	2025	Hội đồng Trung ương Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam
6.	Giải thưởng Mạc Đĩnh Chi - Thương hiệu số 1	2025	Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Hà Nội (HANOISME)
7.	Best Sustainable Development Campaign - Chiến dịch QHCC & TT Xuất sắc về Phát triển Bền vững	2025	Mạng lưới Quan hệ Công chúng Việt Nam (VNPR)
8.	Best Award Theme Envisioning Campain - Chiến dịch truyền tải thông điệp chủ đề xuất sắc	2025	Mạng lưới Quan hệ Công chúng Việt Nam (VNPR)
9.	Top 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam	2024	Vietnam Report
10.	Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2024	2024	Hội doanh nhân trẻ Việt Nam
11.	Bằng khen Tập thể lao động xuất sắc năm 2024	2024	UBND Tỉnh Vĩnh Phúc
12.	Bằng khen Thành tích xuất sắc trong công tác, hoạt động sản xuất kinh doanh, đóng góp cho sự phát triển cộng đồng doanh nghiệp và kinh tế - xã hội tại địa phương năm 2024	2024	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
13.	Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam	2024	Vietnam Report
14.	Bằng khen thành tích xuất sắc góp phần tổ chức thành công Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2023 – 2028	2024	Hội Nông dân Việt Nam

STT	Thành tích đạt được	Năm	Cấp khen thưởng
15.	Top 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam	2023	Vietnam Report
16.	Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam	2023	Vietnam Report
17.	Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam	2023	Vietnam Report
18.	Bằng khen cho tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Doanh nhân và sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc nhiệm kỳ 2017 – 2022	2023	UBND Tỉnh Vĩnh Phúc
19.	Doanh nghiệp tiêu biểu có đóng góp lớn cho Ngân sách Nhà nước của tỉnh Vĩnh Phúc và chấp hành chính sách pháp luật về thuế năm 2022	2023	UBND Tỉnh Vĩnh Phúc
20.	Chiến dịch Marketing vì phát triển bền vững	2023	Liên minh Châu (EU & Oxfam Việt Nam cùng Viện Nghiên cứu Truyền thông Phát triển (RED Communication)
21.	Chúng nhận đã đồng hành và trở thành đại sứ truyền thông cho chiến dịch “Ngừng tạo nghiệp” – chiến dịch bảo vệ động vật hoang dã. Thực hiện cam kết không mua bán, tiêu thụ các sản phẩm từ ngà voi và tê tê		Văn phòng Dự án Phòng, chống buôn bán trái pháp luật các loài động, thực vật hoang dã
22.	Top 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam	2022	Vietnam Report
23.	Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam	2022	Vietnam Report
24.	Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam	2022	Vietnam Report
25.	Top 10 Doanh nghiệp tiêu biểu Vietnam Award	2022	Giải thưởng được Liên hiệp các Hội UNESCO Việt Nam, Trung tâm Phát triển

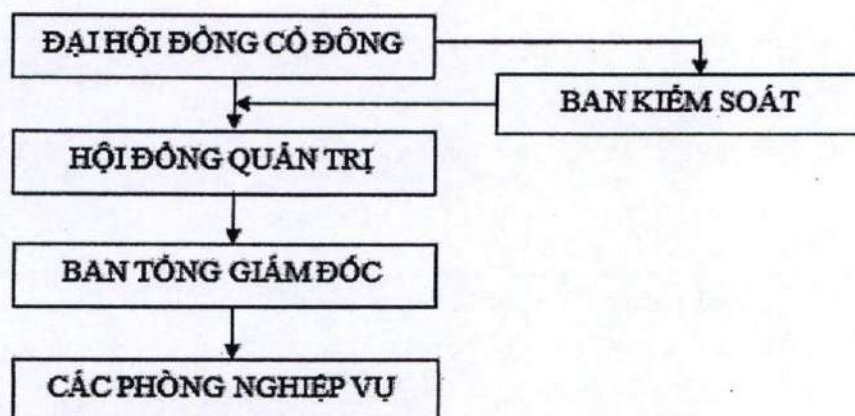
STT	Thành tích đạt được	Năm	Cấp khen thưởng
			Doanh nghiệp và Thương hiệu Việt Nam, Liên hiệp Khoa học Doanh nhân Việt Nam
26.	Top 100 sản phẩm tốt nhất cho Gia đình và Trẻ em	2022	Báo Lao động và Xã hội phối hợp với Công ty cổ phần Phát triển Báo Sáng

Nguồn: NAG

3. Cơ cấu tổ chức

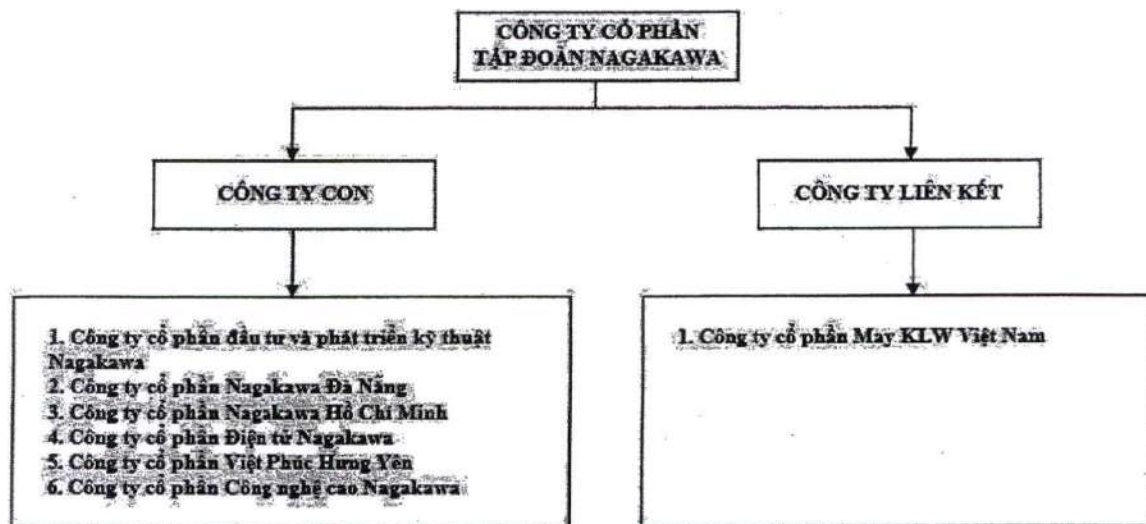
Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa hoạt động theo mô hình được quy định tại mục a, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức NAG



Nguồn: NAG

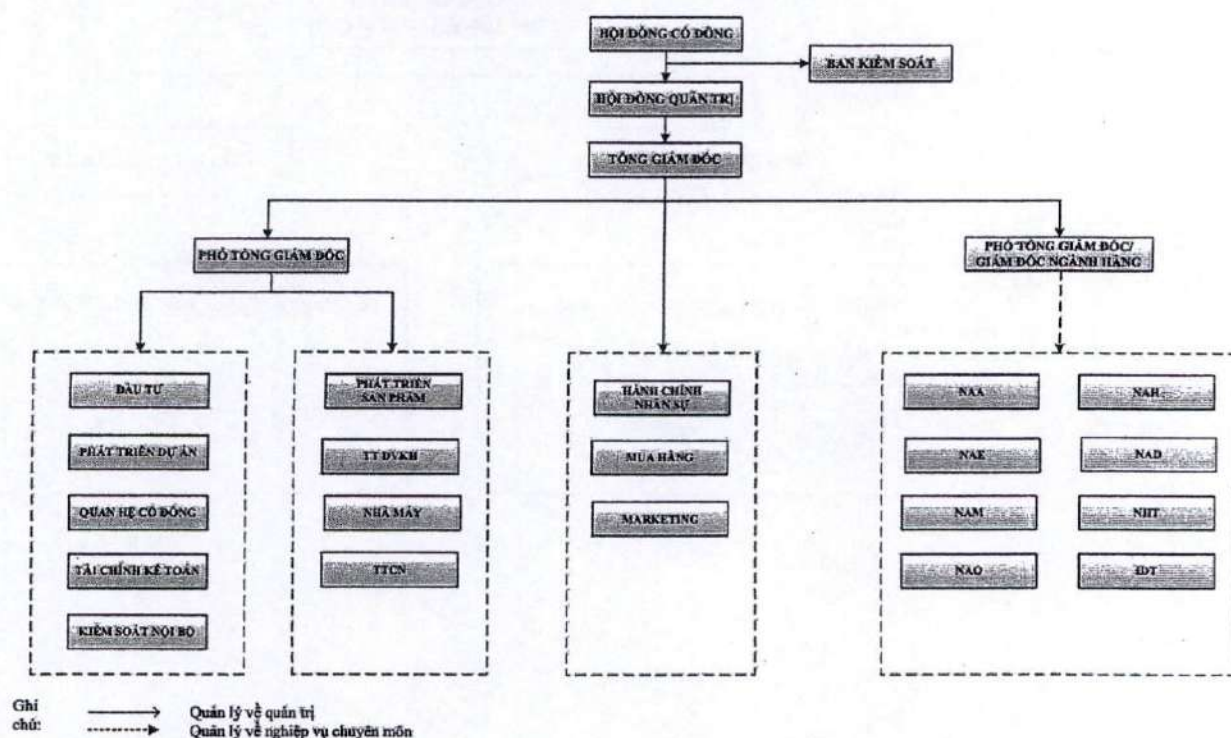
Sơ đồ cơ cấu tổ chức trong nhóm Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa



Nguồn: NAG

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: NAG

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, thực hiện các chức năng, quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều lệ của Công ty và pháp luật liên quan. Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, kế hoạch phát triển trung và dài hạn của Công ty và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

4.2. Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có ít nhất ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người, nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty, quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quyết định của pháp luật. Các quyền và nghĩa vụ khác của Hội đồng quản trị được quy định theo Luật Doanh nghiệp, quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có nghĩa vụ giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác; đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cổ đông. Các quyền và nghĩa vụ khác của Ban Kiểm soát được quy định theo Luật Doanh nghiệp, quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.4. Tổng giám đốc và Ban điều hành

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và được hỗ trợ của Ban điều hành mà Tổng Giám đốc là người đứng đầu, chịu trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở tuân thủ Quyết định, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT.

4.5. Các phòng ban Công ty

4.5.1. Ban Tài chính – Kế toán

Ban Tài chính – Kế toán có chức năng, nhiệm vụ sau: tham mưu, tư vấn cho Ban lãnh đạo các giải pháp về kinh tế, tài chính, kế toán của Công ty; xây dựng và triển khai các quy định tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật; quản lý, kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, tổ chức huy động vốn, quay vòng vốn đáp ứng kịp thời yêu cầu kinh doanh; Hạch toán các nghiệp vụ kế toán theo đúng chế độ kế toán theo quy định; kiểm tra, giám sát các hoạt động xuất, nhập hàng hóa theo đúng quy định; quản lý, thực hiện các công việc liên quan đến vấn đề thuế theo đúng quy định của Công ty và Pháp luật.

4.5.2. Ban hành chính – nhân sự

Ban Hành chính – Nhân sự có chức năng nhiệm vụ sau: tham mưu, tư vấn cho Ban TGD về cơ cấu tổ chức, định biên nhân sự và xây dựng, triển khai kế hoạch, duy trì và phát triển nguồn nhân lực; công tác tuyển dụng và quản lý nguồn nhân lực nhằm đáp ứng đầy đủ và kịp thời cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời phù hợp với định hướng và chiến lược phát triển của Công ty; xây dựng các kế hoạch và chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; xây dựng, triển khai và tổ chức thực hiện các chiến lược, chính sách và cơ cấu chi trả lương phù hợp với mục tiêu dài hạn. Đề xuất và tư vấn Ban TGD trong việc đưa ra các Quy chế/ QĐ có liên quan đến công tác lao động tiền lương và chế độ chính sách, v.v..

4.5.3. Ban kiểm soát nội bộ

Ban Kiểm soát nội bộ có chức năng và nhiệm vụ sau: xây dựng và vận hành hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện công tác thanh tra và kiểm soát trong toàn tập đoàn; quản lý, lưu trữ hồ sơ tài liệu về công tác kiểm toán, kiểm soát tuân thủ, pháp chế và quản lý chất lượng của tập đoàn; xử lý các hành vi vi phạm quy định nội bộ của tập đoàn và của pháp luật (nếu có).

4.5.4. Ban quan hệ cổ đông

Ban Quan hệ cổ đông có chức năng và nhiệm vụ sau: chịu trách nhiệm về những vấn đề pháp lý liên quan đến thủ tục phát hành chứng khoán tăng vốn điều lệ, trả cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu. Tham mưu cho lãnh đạo Công ty lựa chọn các đơn vị tư vấn phù hợp, phụ trách việc công bố thông tin của Công ty theo các quy định nội bộ của công ty và của pháp luật.

4.5.5. Ban Marketing

Ban Marketing có chức năng và nhiệm vụ sau: tham mưu, tư vấn cho ban lãnh đạo các giải pháp quảng bá và phát triển thương hiệu của công ty; xây dựng chiến lược & các hoạt động marketing cụ thể cho từng nhãn hiệu, hoàn thiện hệ thống nhận diện thương hiệu, quản trị thương hiệu của Công ty, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các hoạt động có liên quan đến thương hiệu và việc sử dụng hình ảnh của công ty; nghiên cứu và phân tích thông tin thị trường, theo dõi các hoạt động trên thị trường và những thay đổi về chính sách của nhà nước để xây dựng các báo cáo tổng hợp hỗ trợ việc ra quyết định của lãnh đạo Công ty; quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động quảng cáo tiếp thị, giới thiệu hình ảnh của công ty.

4.5.6. Ban mua hàng

Ban Mua hàng có chức năng và nhiệm vụ sau: nghiên cứu và phát triển các danh mục sản phẩm mới, sản phẩm thay thế quốc tế; Tìm kiếm các nhà cung cấp, xây dựng hồ sơ pháp lý, chứng từ xuất nhập khẩu, chính sách mua hàng; kiểm soát hàng hóa giao - nhập về kho và ra thị trường, v.v...

4.5.7. Ban nghiên cứu & phát triển sản phẩm

Ban Nghiên cứu & Phát triển sản phẩm có chức năng và nhiệm vụ sau: thực hiện nghiên thị trường trong nước để thu thập, phân tích hệ thống thông tin sản phẩm, khách hàng, thị trường, đối thủ cạnh tranh; xây dựng kế hoạch phát triển sản phẩm theo định hướng và chiến lược của Công ty, phối hợp với bộ phận Kinh doanh xây dựng giá bán sản phẩm; xây dựng quy trình và tiêu chuẩn kiểm soát chất lượng đầu vào; xây dựng và thực hiện lưu trữ hệ thống tài liệu kỹ thuật sản phẩm; thực hiện chứng nhận chất lượng sản phẩm hàng hóa theo quy định của Nhà nước, v.v...

4.5.8. Trung tâm dịch vụ khách hàng

Trung tâm Dịch vụ khách hàng có chức năng và nhiệm vụ sau: Quản lý và chịu trách nhiệm về việc bảo hành sản phẩm; Tham mưu, tư vấn cho Ban lãnh đạo các giải pháp đảm bảo chất lượng sản phẩm; Chăm sóc khách hàng; giải đáp các thắc mắc của khách về lỗi hàng hóa, cách thức sử dụng, v.v...

4.5.9. Trung tâm công nghệ (TTCN)

Trung tâm công nghệ có chức năng và nhiệm vụ sau: Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vào vận hành và quản trị doanh nghiệp giúp tối ưu hiệu suất lao động và quản trị thông tin, ứng dụng công nghệ vào để đa kênh các hoạt động kinh doanh tiếp thị, nghiên cứu các tính năng mới vào

các sản phẩm nhằm mang lại lợi ích, thuận tiện, đơn giản cho người tiêu dùng, v.v...

4.5.10. Nhà máy

Nhà máy đảm nhiệm chức năng lắp ráp và sản xuất một số dòng sản phẩm chủ lực, đồng thời phụ trách hoạt động logistics, quản lý kho bãi và tổ chức xuất hàng theo kế hoạch.

4.5.11. Đơn vị kinh doanh

Đơn vị kinh doanh của Công ty hiện được chia thành 8 đơn vị phân theo từng khu vực (bao gồm: NAA, NAE, NAO, NAM, IDT, NHT, NAD và NAH) có chức năng và nhiệm vụ sau: tham mưu, tư vấn cho Ban lãnh đạo chiến lược phát triển kinh doanh và quản lý bán hàng mặt hàng của Công ty; xây dựng và triển khai các kế hoạch kinh doanh của Công ty; quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động quảng cáo tiếp thị, tiêu thụ sản phẩm của Công ty; tổ chức tìm hiểu nhu cầu, thị hiếu người tiêu dùng để đề xuất cải tiến mẫu mã, kiểu dáng hoặc những ý tưởng cho việc hình thành các sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu của thị trường, v.v...

5. Thông tin về Công ty mẹ, Công ty con của Tổ chức phát hành, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những Công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Công ty mẹ của Tổ chức phát hành, Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

Không có.

5.2. Công ty con và Công ty liên kết của Tổ chức phát hành

Danh sách Công ty con tại thời điểm 31/12/2025

Stt	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số giấy chứng nhận ĐKDN	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của NAG tại các Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của NAG tại các Công ty
1.	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kỹ thuật Nagakawa	25/12/2009	2500386108	Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, lắp đặt hệ thống điều hòa cho các công trình	80,00%	80,00%

Stt	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số giấy chứng nhận ĐKDN	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của NAG tại các Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của NAG tại các Công ty
2.	Công ty cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	15/09/2016	0401789381	94 Nam Trân, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ gia dụng	52,00%	52,00%
3.	Công ty cổ phần Nagakawa Hồ Chí Minh	12/09/2016	0314005672	25 Đoàn Thị Điểm, Phường Cầu Kiệu, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ gia dụng	51,00%	51,00%
4.	Công ty cổ phần Điện tử Nagakawa	09/08/2017	0107952812	Tầng 3, Tòa nhà Gold Tower số 275 Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ gia dụng	51,00%	51,00%
5.	Công ty cổ phần Việt Phúc Hưng Yên	10/03/2021	0900251422	Thôn Vĩnh Bảo, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	96,92%	96,92%
6.	Công ty Cổ phần Công nghệ cao Nagakawa	06/11/2023	0110532695	Số nhà 56, ngõ 109, đường Cầu Bươu, Tổ dân phố 15, Phường Kiến Hưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính	55%	55%

Nguồn: NAG

Danh sách Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ

Stt	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số giấy chứng nhận ĐKDN	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của NAG tại các Công ty	Tỷ lệ biểu quyết của NAG tại các Công ty
1	Công ty cổ phần May KLV Việt Nam	26/07/2013	2500504721	Tổ Dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Gia công may mặc	48,00%	48,00%

Nguồn: NAG

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

6.1. Thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ

Tính từ khi thành lập đến nay, Công ty đã trải qua các đợt tăng vốn như sau:

Thông tin quá trình tăng vốn của NAG

Stt	Ngày hoàn thành	Vốn điều lệ trước phát hành (đồng)	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Hình thức phát hành	Đơn vị cấp	Ý kiến đơn vị kiểm toán
1.	07/2010	100.000.000.000	10.000.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 20:1 và trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 20:1	UBCKNN	Không có
2.	02/2011	110.000.000.000	25.000.000.000	Tăng vốn bằng phát hành cổ phiếu cho CĐ chiến lược	UBCKNN	Không có
3.	08/2011	135.000.000.000	13.500.000.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 5% và cổ phiếu thưởng 5%	UBCKNN	Không có
4.	11/2019	148.500.000.000	10.386.360.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 7%	UBCKNN	Không có
5.	11/2021	158.886.360.000	7.939.880.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 5%	UBCKNN	Không có

Stt	Ngày hoàn thành	Vốn điều lệ trước phát hành (đồng)	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Hình thức phát hành	Đơn vị cấp	Ý kiến đơn vị kiểm toán
6.	08/2022	166.826.240.000	139.654.000.000	Tăng vốn bằng phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN	Chấp nhận toàn phần
7.	11/2022	306.480.240.000	9.985.170.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 6%	UBCKNN	Không có
8.	01/2025	316.465.410.000	25.312.280.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 5%	UBCKNN	Không có
9.	07/2025	341.777.690.000	15.823.000.000	Tăng vốn bằng phát hành cổ phiếu Esop cho người lao động	UBCKNN	Chấp nhận toàn phần
10.	08/2025	357.600.690.000	28.601.660.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 8%	UBCKNN	Không có

Nguồn: NAG

6.2. Thông tin về quá trình giảm vốn điều lệ

Không có.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Trong 2 năm 2023, 2024 và tính đến thời điểm lập Bản cáo bạch này, Công ty không có khoản góp vốn, thoái vốn nào có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi nhận trong BCTC kỳ gần nhất của Công ty tại thời điểm thực hiện.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Theo danh sách cổ đông do VSDC cung cấp tại ngày 10/09/2025, thông tin về cổ phiếu phổ thông của NAG như sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành và đang niêm yết: 38.620.235 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 38.620.233 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 2 cổ phiếu.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 10/09/2025

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	2.243	38.245.458	99,03
	<i>Trong đó:</i>			
	- Tổ chức:	11	276.627	0,72
	- Cá nhân:	2.232	37.968.831	98,31
II	Cổ đông nước ngoài	28	374.775	0,97
	<i>Trong đó:</i>			
	- Tổ chức:	9	214.977	0,56
	- Cá nhân:	19	159.798	0,41
III	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0%
IV	Cổ phiếu quỹ	1	2	0%
Tổng cộng		2.271	38.620.235	100

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 10/09/2025 do VSDC cung cấp

8.2. Cổ phiếu ưu đãi và các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: 0%. Công ty đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty và đã nhận được văn bản của Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước số 6862/UBCK-PTTT ngày 28/10/2025 về việc hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa của CTCP Tập đoàn Nagakawa.

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty: **Không có**.

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của NAG tại ngày 10/09/2025 là: **0,97%**.

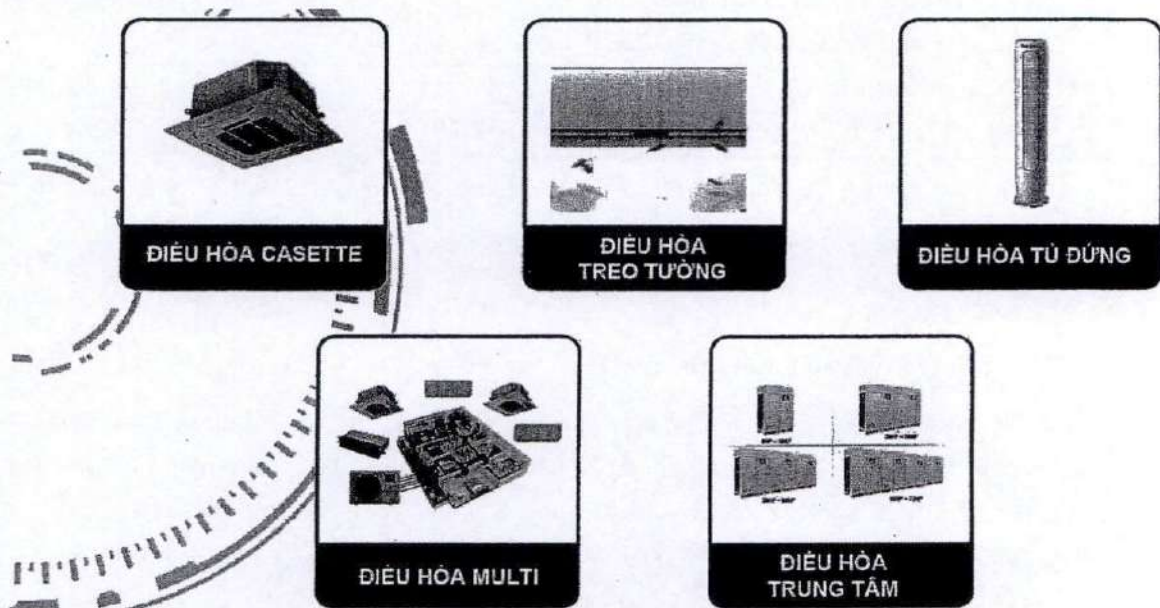
10. Hoạt động kinh doanh**10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh****10.1.1. Các ngành hàng sản phẩm và dịch vụ**

Hiện nay, Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, cụ thể là cung ứng các sản phẩm điện lạnh, sản phẩm hàng gia dụng và sản phẩm thiết bị nhà bếp cao cấp, cụ thể như sau:

a) Ngành hàng điện lạnh

Sản phẩm điện lạnh chủ lực của Nagakawa hiện nay là các sản phẩm điều hòa dân dụng và sản phẩm điều hòa thương mại công suất lớn (theo đó, doanh thu thuần ngành hàng điều hòa chiếm 88,79% tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2024 của Nagakawa). Các loại điều hòa mà Nagakawa đang cung ứng trên thị trường bao gồm: Điều hòa treo tường, điều hòa tủ đứng, điều hòa cassette, điều hòa multi và điều hòa trung tâm.

Ngoài ra, Nagakawa đã cung cấp, thi công lắp đặt cho nhiều công trình yêu cầu kỹ thuật cao, có thể kể đến như công trình Trung tâm chính trị hành chính Hải Phòng. Các công trình của Bộ Y Tế (Bệnh viện Tân Uyên Bệnh viện Đa khoa Bắc Giang...), công trình của Tổng Cục Thuế, hệ thống ngân hàng (Agribank, Techcombank, Sacombank...), hệ thống khách sạn Mường Thanh. Và đặc biệt năm 2023, Nagakawa đã được chọn là nhà cung cấp điều hòa cho công trình trọng điểm của thành phố Hải Phòng là trung tâm chính trị - hành chính của thành phố với tổng vốn đầu tư gần 10.000 tỷ đồng, v.v...



Một số sản phẩm điều hòa không khí của Nagakawa

Nagakawa đã liên tục đầu tư nghiên cứu, ứng dụng công nghệ hiện đại để phát triển những sản phẩm điều hòa thương mại bền bỉ vượt trội như vỏ dàn nóng với 7 lớp bảo vệ, giàn tản nhiệt Golden Fin chống ăn mòn ngay cả trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt, các tính năng tự động bảo trì, bảo dưỡng, tự động chẩn đoán lỗi... Đặc biệt, công nghệ inverter và các công nghệ tiết kiệm năng lượng được tích hợp giúp sản phẩm hoạt động bền bỉ, ổn định và tiết kiệm chi phí cho công trình. Đồng thời, Nagakawa còn được biết đến rộng rãi với hệ thống điều hòa không khí công nghệ cao VRF, hệ thống điều hòa thương mại cục bộ công suất lớn cùng nhiều dự án, công trình trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng.

Bên cạnh hoạt động phân phối và cung ứng các sản phẩm điều hòa không khí, Nagakawa hiện còn cung cấp các linh kiện điều hòa cho các đối tác, đại lý và nhà phân phối như: ống đồng, máy

BẢN CÁO BẠCH

nén, dàn nóng, mô tơ máy, vỏ điều hòa và các linh kiện khác.

b) *Ngành hàng gia dụng*

Ngành hàng gia dụng của Nagakawa bao gồm các sản phẩm đồ gia dụng như: nồi inox, chảo, nồi áp suất, v.v... và các sản phẩm điện gia dụng như: ấm siêu tốc, bàn là, bếp hồng ngoại, bếp lẩu, các loại máy xay, v.v...



Một số sản phẩm hàng gia dụng của Nagakawa

Sản phẩm Gia dụng Nagakawa được áp dụng nhiều công nghệ tiên tiến và sở hữu nhiều tính năng vượt trội phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng theo từng nhóm nhất định như sau:

Nồi cơm điện: Nagakawa không chỉ sản xuất dòng nồi cơm điện phổ thông như: nồi cơm điện cơ, nồi cơm điện điện tử mà còn phát triển các sản phẩm như nồi cơm điện với công nghệ cao tần IH giúp cơm được nấu chín đều, ngon hơn và bảo toàn dưỡng chất trong gạo, đảm bảo sức khỏe cho cả gia đình. Điểm khác biệt so với các dòng nồi cơm điện trên thị trường chính là tính năng nấu cơm giảm tinh bột có trong 3 model: NAG0139, NAG0140 và NAG0136 - Giải pháp cơm ngon "healthy" cho người giữ dáng, tiểu đường, tim mạch, béo phì.

Bếp từ đơn: Không chỉ được trang bị mặt kính cường lực cao cấp, với khả năng chống mài mòn, chịu lực, bếp từ đơn của Nagakawa còn sở hữu loạt tính năng ưu việt như: khoá an toàn trẻ em, hẹn giờ nấu thông minh và chế độ bảo vệ chống quá nhiệt an toàn,... Đặc biệt, Nagakawa là thương hiệu duy nhất trên thị trường sở hữu bếp từ đơn điều khiển đa hướng đầu tiên giúp thuận tiện dù trong nấu nướng hay sử dụng ngay trên bàn ăn khi ăn lẩu.

Máy khử khuẩn thực phẩm: Nagakawa là đơn vị đầu tiên sở hữu dòng máy khử khuẩn thực phẩm công nghệ Hydroxyl an toàn được chứng nhận thử nghiệm hiệu quả tại Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia - Bộ Y Tế với hiệu quả khử khuẩn đạt 99,99% loại bỏ đến

76% chất gây hại trong thực phẩm.

Máy làm sữa hạt: Máy làm sữa hạt của Nagakawa làm sữa uống nhanh chóng, thơm ngon sánh mịn phù hợp với ngay cả các chị em bận rộn với nhiều chương trình cài đặt sẵn tiện lợi, mức công suất phù hợp với các công thức nấu khác nhau, chức năng hẹn giờ từ 10 phút đến 12 tiếng linh hoạt, chức năng tự động làm sạch tiện lợi.

Máy ép chậm: Máy ép chậm Nagakawa có kích thước nhỏ gọn sở hữu động cơ DC motor bền bỉ, mạnh mẽ, công nghệ xay ép tích hợp đa năng trong model NAG0817 (xay, ép, làm kem). Tỷ lệ nước ép nguyên chất 98% không còn cặn bã. Thiết kế cơ học mới trục xoắn ốc đa tầng giúp tách bã và nước để đảm bảo tỷ lệ nước ép nguyên chất nhưng không bị nghẽn, chỉ mất 3 giây để lắp ráp máy ép. Ngoài ra, máy có thể ép được trái cây nguyên quả với ống tiếp nguyên liệu rộng tới 78mm với model NAG0818.

Nồi chiên không dầu: Nagakawa áp dụng công nghệ chiên đối lưu nhiệt giúp thực phẩm chín nhanh và giòn đều các mặt, tiết kiệm điện năng và tách đến 80% mỡ thừa. Sản phẩm có thể thay thế 6 món đồ gia dụng: Lò nướng, máy sấy, máy làm bông, máy làm sữa chua, nồi chiên, lò vi sóng với dung tích từ 6L đến 24L.

Hiện tại, Nagakawa có hệ thống hàng nghìn mã sản phẩm hàng gia dụng, hơn 10 hệ thống chuỗi siêu thị điện máy phân phối sản phẩm và hơn 10.000 điểm bán lẻ (bao gồm hệ thống các đại lý và nhà phân phối) trên toàn quốc.

c) Ngành hàng thiết bị nhà bếp cao cấp

Nhằm hoàn thiện hệ sinh thái của gia đình Việt, góp phần mang đến cho người tiêu dùng một không gian bếp tiện nghi - sang trọng - đẳng cấp, Nagakawa đã cho ra mắt bộ sản phẩm Thiết bị nhà bếp cao cấp với những tính năng ưu việt, sử dụng công nghệ tiên tiến nhất trong ngành bếp thế giới. Cùng với thông điệp "Tâm an tại bếp", Nagakawa mang đến cho người sử dụng các sản phẩm Bếp an toàn để người sử dụng an tâm tạo ra những món ăn ngon trong không gian bếp nhà mình.

Hướng tới mục tiêu trở thành vị trí số một trong ngành Thiết bị nhà bếp cao cấp tại Việt Nam, mỗi con người tại Nagakawa đang nỗ lực hết mình trong quá trình sản xuất, chú trọng trong từng khâu từ nghiên cứu đến phát triển kỹ thuật hay nguyên vật liệu... Sản phẩm tích hợp nhiều công nghệ hiện đại, trở thành những công cụ đắc lực trong căn bếp gia đình.

Chuỗi các sản phẩm thiết bị nhà bếp cao cấp của Nagakawa cung cấp bao gồm: Bếp điện từ thông minh, Máy hút mùi, Máy rửa bát với những tính năng ưu việt, sử dụng công nghệ tiên tiến nhất. Bên cạnh đó, Nagakawa cung cấp cho khách hàng dịch vụ bảo hành 5 sao lên đến 5 năm thông qua thẻ kích hoạt bảo hành điện tử giúp tiết kiệm thời gian và công sức cho khách hàng.



MÁY HÚT MÙI



BẾP ĐIỆN TỬ



MÁY RỬA BÁT

Bộ sản phẩm thiết bị nhà bếp cao cấp của Nagakawa

Nagakawa đặc biệt chú trọng vào tính năng an toàn cho từng sản phẩm, làm tiền đề để không ngừng nỗ lực phát triển và ứng dụng công nghệ vào sản phẩm thiết bị nhà bếp thông minh. Với mong muốn mang tới cho khách hàng những trải nghiệm làm bếp an tâm, nhẹ nhàng và thư thả, những sản phẩm thiết bị nhà bếp cao cấp Nagakawa hiện cung cấp trên thị trường bao gồm:

- Bộ sản phẩm D-combine tích hợp đa chức năng bao gồm chậu rửa, vòi rửa 360 độ có điều chỉnh được nhiệt độ nước nóng.
- Máy rửa bát công nghệ sấy khí tươi NaFRESH 360 (máy 10 bộ gồm 2 giàn rửa phù hợp với gia đình dưới 5 người).
- Bếp từ đôi Nagakawa với đầy đủ các tính năng Inverter tiết kiệm điện, cảm ứng ngắt bếp khi trào nước, chế độ Booster nấu nhanh hơn khi cần gấp.
- Hút mùi công suất lớn, xử lý mùi nhanh điều khiển bằng công nghệ vẫy tay hoặc Wake up (tối ưu thiết kế, không gian).

d) Các dịch vụ hỗ trợ

- Dịch vụ chăm sóc khách hàng: Đội ngũ tư vấn riêng phục vụ khách hàng và người tiêu dùng; các số hotline hỗ trợ đặt mua hàng, v.v...
- Dịch vụ bảo hành: Chính sách bảo hành và đổi mới ưu việt với hơn 130 trạm bảo hành trên toàn quốc.
- Dịch vụ hỗ trợ tài chính: Kênh MT (Kênh bán hàng hiện đại) đồng hành cùng gói hỗ trợ của các kênh thương mại điện tử (TMĐT); Tặng phiếu giảm giá/mua hàng tại sàn TMĐT của Nagakawa.
- Dịch vụ nâng cấp sản phẩm: Nâng cấp lên các mẫu sản phẩm mới, cao cấp hơn với giá ưu đãi.
- Các chương trình khuyến mại: Mua tặng quà, Pre-order (đặt hàng trước), phiếu ưu đãi khi mua sản phẩm thứ 2, Bốc thăm trúng thưởng, v.v...

10.1.2. Mạng lưới phân phối

Sản phẩm thương hiệu Nagakawa đã chính thức cán mốc có mặt tại 34 tỉnh thành, hơn 130 trạm bảo hành qua 4 kênh phân phối chính:

- Kênh phân phối bán hàng truyền thống (Kênh GT);
- Kênh phân phối bán hàng hiện đại (Kênh MT);
- Kênh thương mại điện tử (Kênh TMĐT);
- Kênh Dự án.

a) Kênh GT - Kênh phân phối bán hàng truyền thống

Với hệ thống gần 10.000 đại lý và nhà phân phối trên toàn quốc, Nagakawa đã mang đến mọi miền những sản phẩm điều hòa, đồ gia dụng, thiết bị nhà bếp cao cấp chất lượng, kiến tạo nên cuộc sống tiện nghi của từng gia đình Việt Nam.

b) Kênh MT - Kênh phân phối bán hàng hiện đại

Sản phẩm của Tập đoàn Nagakawa hiện đã và đang có mặt tại hơn 1000 siêu thị tại cả 3 miền Bắc - Trung - Nam, với những hệ thống tiêu biểu như hệ thống Điện máy xanh, siêu thị điện máy HC, PICO, Media Mart, Lan Chi Mart, v.v...

c) Kênh thương mại điện tử

Các kênh Thương mại điện tử (TMĐT) đang dần trở thành kênh phân phối quan trọng của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa. Các sản phẩm của Nagakawa không chỉ xuất hiện tại nhiều sàn Thương mại điện tử lớn như Shopee, Tiki, Lazada, Sendo, OnlineFriday, v.v... mà Nagakawa còn sở hữu riêng website: shop.nagakawa.com.vn với nhiều tính năng hiện đại, tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng.

d) Kênh Dự án

Với nhiệm vụ chính là tư vấn, thiết kế, thi công các công trình cơ điện và điều hòa không khí cho các công trình dân dụng và công nghiệp, thông qua kênh dự án, sản phẩm Nagakawa đã và đang được lắp đặt và sử dụng tại hàng ngàn dự án trên cả nước.

Các công trình tiêu biểu: Nhà hát lớn Tỉnh Vĩnh Phúc; Trung tâm thương mại TP Hải Phòng; Bệnh viện K Tân Triều Hà Nội; Nhà máy kem Vila Italia, v.v...

10.1.3. Quy trình phân phối và kiểm soát chất lượng hàng hóa

Hiện nay, hàng hóa cung ứng của Nagakawa được đặt hàng theo yêu cầu và nhập khẩu nguyên chiếc từ các nhà cung cấp quốc tế. Trong đó, một số ngành hàng có sản phẩm được dán nhãn xuất xứ từ một số quốc gia như:

- Sản phẩm điện lạnh: Malaysia, Indonesia, Thái Lan;

- Sản phẩm gia dụng: Trung Quốc;
- Sản phẩm thiết bị nhà bếp: Malaysia, Indonesia.

Về quy trình phân phối đối với các sản phẩm của Nagakawa, sản phẩm sẽ bắt đầu tại nguồn của các nhà cung cấp, sau đó hàng hóa sẽ được đánh giá thông qua hàng loạt các quy trình kiểm duyệt nghiêm ngặt của Nagakawa như sau:

- Quy trình đánh giá sản phẩm;
- Quy trình kiểm duyệt thiết kế;
- Lập bộ tiêu chuẩn cho các nhóm hàng hóa;
- Các tiêu chuẩn, quy định chất lượng và an toàn của Nhà nước.

Khi hàng hóa đáp ứng đầy đủ tất cả các tiêu chuẩn về chất lượng và quy định, hàng sẽ được vận chuyển về kho của các đơn vị của Nagakawa.

10.1.4. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Do đặc thù của sản phẩm kinh doanh là các mặt hàng điện lạnh, gia dụng, hoạt động kinh doanh của Nagakawa cũng chịu tác động của các yếu tố mang tính thời vụ theo các thời điểm trong năm. Cụ thể, doanh thu các sản phẩm điều hòa sẽ tập trung chủ yếu trong thời gian từ tháng ba đến tháng bảy hàng năm, do đây là thời điểm thời tiết nắng nóng, nhu cầu sử dụng các thiết bị làm mát không khí trên thị trường tăng cao.

Bên cạnh đó, đối với các sản phẩm thiết bị nhà bếp và đồ gia dụng, nhu cầu sử dụng của người tiêu dùng là quanh năm, tuy nhiên sẽ có một số sản phẩm đặc thù mang tính thời vụ, được tiêu thụ nhiều hơn vào các thời điểm như:

- Mùa hè (tháng 04 - tháng 09): Các loại máy ép, xay sinh tố, máy làm sữa hạt, nồi, chảo, v.v...
- Mùa đông (tháng 10 - tháng 03 năm sau): Nồi chiên, nồi cơm; bếp nướng, bếp từ, bếp lẩu, máy sưởi, máy hút ẩm, v.v...

Ngoài ra, tại các thời điểm là các tháng có các ngày Lễ lớn như 30/04, 01/05, Giáng sinh, Black Friday, Tết Nguyên Đán, v.v..., nhu cầu mua sắm các thiết bị cũng tăng vọt. Vì vậy, Công ty cũng đã lên kế hoạch chuẩn bị nguồn cung và chính sách bán hàng phù hợp, linh hoạt với các dịp cao điểm, từ đó, nâng cao hiệu quả luân chuyển hàng tồn kho cũng như là kết quả doanh thu bán hàng.

10.1.5. Cơ cấu Doanh thu, lợi nhuận

Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp của NAG

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Thay đổi 2024 so với 2023 (%)	Năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
A. CÔNG TY MẸ							
I. Doanh thu thuần	2.056.572	100%	2.644.546	100%	59,41%	3.259.962	100%
1. Doanh thu thuần ngành hàng điều hòa và linh kiện điều hòa	1.784.802	86,79%	2.348.150	88,79%	31,56%	3.018.383	92,59%
2. Doanh thu thuần ngành hàng gia dụng	139.927	6,80%	170.307	6,44%	21,71%	166.222	5,10%
3. Doanh thu thuần ngành hàng thiết bị nhà bếp	121.834	5,92%	114.896	4,34%	-5,69%	64.710	1,98%
4. Doanh thu khác	-	0,00%	-	0,00%	0,00%	-	0,00%
5. Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.009	0,49%	11.193	0,43%	11,83%	10.648	0,33%
II. Lợi nhuận gộp	212.171	100%	188.708	100%	-86,94%	205.061	100,00%
1. Lợi nhuận gộp ngành hàng điều hòa và linh kiện điều hòa	148.735	70,10%	155.637	82,47%	4,64%	166.654	81,27%
2. Lợi nhuận gộp ngành hàng gia dụng	30.084	14,18%	17.882	9,48%	-40,56%	16.670	8,13%
3. Lợi nhuận gộp ngành hàng thiết bị nhà bếp	28.631	13,49%	9.766	5,18%	-65,89%	14.131	6,89%
4. Lợi nhuận khác	-	0,00%	-	0,00%	0,00%	-	0,00%
5. Lợi nhuận cung cấp dịch vụ	4.721	2,23%	5.423	2,87%	14,87%	7.606	3,71%
B. HỢP NHẤT							
I. Doanh thu thuần	2.118.135	100%	2.723.255	100%	92,68%	3.299.285	100%
1. Doanh thu thuần ngành hàng điều hòa và linh kiện điều hòa	1.840.754	86,90%	2.389.038	87,73%	29,79%	3.133.996	94,99%
2. Doanh thu thuần ngành hàng gia dụng	144.022	6,80%	189.230	6,95%	31,39%	119.732	3,63%
3. Doanh thu thuần ngành hàng thiết bị nhà bếp	125.426	5,92%	135.172	4,96%	7,77%	40.857	1,24%
4. Doanh thu khác	-	0,00%	-	0,00%	0,00%	-	0,00%
5. Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.933	0,37%	9.815	0,36%	23,73%	4.700	0,14%

Chi tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Thay đổi 2024 so với 2023 (%)	Năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
II. Lợi nhuận gộp	308.405	100%	297.394	100%	-63,39%	309.235	100%
1. Lợi nhuận gộp ngành hàng điều hòa và linh kiện điều hòa	218.533	70,86%	258.695	86,99%	18,38%	275.429	89,07%
2. Lợi nhuận gộp ngành hàng gia dụng	45.665	14,81%	22.353	7,52%	-51,05%	16.623	5,38%
3. Lợi nhuận gộp ngành hàng thiết bị nhà bếp	41.576	13,48%	12.696	4,27%	-69,46%	13.046	4,22%
4. Doanh thu khác	-	0,00%	-	0,00%	0,00%	-	0,00%
5. Lợi nhuận cung cấp dịch vụ	2.631	0,85%	3.650	1,23%	38,75%	4.137	1,34%

Nguồn: NAG

10.2. Tài sản

Tài sản lớn thuộc sở hữu của NAG tại thời điểm 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Tên Tài sản	Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại
1	Nhà xưởng số 1, hàng rào, nhà công nhân viên, nhà bảo vệ	9.959.018.937	7.775.638.036	2.183.380.901
2	Dây truyền đồng bộ sản xuất, lắp ráp và kiểm tra máy ngoài nhà điều hòa không khí trung tâm 100.000-120.000BTU	6.537.412.355	6.537.412.355	0
3	Văn phòng 275 Nguyễn Trãi	5.239.659.771	3.602.266.107	1.637.393.664
4	Dây chuyền sản xuất của dự án Worldbank	5.156.545.202	1.161.655.044	3.994.890.158
5	Nhà xưởng số 2	3.840.000.000	3.142.532.380	697.467.620
6	Dây truyền đồng bộ sản xuất, lắp ráp và kiểm tra máy trong nhà điều hòa không khí trung tâm 120.000BTU	3.556.064.963	3.556.064.963	0
7	Dây truyền đồng bộ sản xuất, lắp ráp và kiểm tra máy trong nhà điều hòa không khí trung tâm 100.000BTU	3.376.465.722	3.376.465.722	0

Stt	Tên Tài sản	Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại
8	Nhà trưng bày sản phẩm	2.489.595.976	2.489.595.976	0
9	Dây chuyền sản xuất linh kiện máy điều hòa không khí	2.437.000.000	2.437.000.000	0
10	Nhà kho số 2	2.221.214.653	2.221.214.653	0

Nguồn: NAG

10.3. Thị trường hoạt động

Hiện nay, thị trường kinh doanh của Nagakawa tập trung chủ yếu ở khu vực miền Bắc, chiếm khoảng 85% doanh số của Nagakawa năm 2025.

Cơ cấu doanh thu theo từng thị trường

Đơn vị tính: Đồng

Tiêu chí	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Khu vực Miền Bắc	3.043.971.461.378	3.822.078.564.292	4.710.119.744.411
Khu vực Miền Trung	93.315.242.513	118.179.120.853	143.768.967.442
Khu vực Miền Nam	302.249.406.443	649.595.036.069	831.745.905.553
Các khoản loại trừ (*)	(1.321.400.486.023)	(1.866.598.108.427)	(2.386.349.508.420)
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.118.135.624.311	2.723.254.612.787	3.299.285.108.986

Nguồn: NAG

(*) Theo BCTC hợp nhất năm 2023 và 2024 đã được kiểm toán của NAG và BCTC hợp nhất quý 4 năm 2025 tự lập của NAG, các khoản loại trừ được nêu trong bảng trên bao gồm tất cả các khoản doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các bộ phận trong Công ty.

Cơ cấu lợi nhuận gộp theo từng thị trường

Đơn vị tính: Đồng

Tiêu chí	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Khu vực Miền Bắc	252.947.695.281	232.606.931.417	260.379.152.026
Khu vực Miền Trung	6.868.069.289	7.614.961.716	6.349.132.632
Khu vực Miền Nam	55.360.288.353	56.962.858.114	52.124.027.723
Các khoản loại trừ	(6.770.553.275)	209.575.919	(9.617.528.054)

Tiêu chí	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	308.405.499.648	297.394.327.166	309.234.784.327

Nguồn: NAG

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Stt	Các chỉ tiêu	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Thực hiện 2025/Thực hiện 2024	Thực hiện 2025/Kế hoạch 2025
A	CÔNG TY MẸ						
I	Nhóm sản phẩm điều hòa						
1	Sản lượng điều hòa	Bộ	297.824	345.629	385.625	129%	112%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	2.348.150	2.765.032	3.088.726	132%	112%
3	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	155.637	158.635	167.786	108%	106%
II	Nhóm sản phẩm gia dụng						
1	Sản lượng sản phẩm gia dụng	Bộ	502.325	310.386	315.084	63%	102%
2	Doanh thu	Triệu đồng	170.307	108.635	119.732	70%	110%
3	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	17.882	14.526	16.623	93%	114%
III	Nhóm sản phẩm thiết bị nhà bếp						
1	Sản lượng sản phẩm TBNB	Bộ	132.461	109.594	44.410	34%	41%
2	Doanh thu	Triệu đồng	114.896	98.635	40.857	36%	41%
3	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	9.766	24.306	13.046	134%	54%
IV	Nhóm khác						
1	Doanh thu	Triệu đồng	11.193	11.000	10.648	95%	97%
2	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	5.423	7.000	7.606	140%	109%
	TỔNG CỘNG						
1	Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	2.644.546	2.983.302	3.259.963	123%	109%
2	Tổng lợi nhuận gộp	Triệu đồng	188.708	204.467	205.061	109%	100,29%

Stt	Các chỉ tiêu	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Thực hiện 2025/Thực hiện 2024	Thực hiện 2025/Kế hoạch 2025
B	HỢP NHẤT						
I	Nhóm sản phẩm điều hòa						
1	Sản lượng điều hòa	Bộ	320.241	377.062	438.053	137%	116%
2	Doanh thu	Triệu đồng	2.389.038	2.697.641	3.133.996	131%	116%
3	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	258.695	230.718	275.429	106%	119%
II	Nhóm sản phẩm gia dụng						
1	Sản lượng sản phẩm gia dụng	Bộ	627.906	448.278	415.437	66%	93%
2	Doanh thu	Triệu đồng	189.230	129.197	119.732	63%	93%
3	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	22.353	39.369	16.623	74%	42%
III	Nhóm sản phẩm thiết bị nhà bếp						
1	Sản lượng sản phẩm TBNB	Bộ	40.641	36.817	13.366	33%	36%
2	Doanh thu	Triệu đồng	135.172	112.541	40.857	30%	36%
3	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	12.696	27.131	13.046	103%	48%
IV	Nhóm khác						
1	Doanh thu	Triệu đồng	9.815	10.000	4.700	48%	0%
2	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	3.650	3.750	4.137	113%	110%
	TỔNG CỘNG						
1	Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	2.723.255	2.949.379	3.299.285	121%	112%
2	Tổng lợi nhuận gộp	Triệu đồng	297.394	300.968	309.235	104%	103%

Nguồn: NAG

10.5. Các hợp đồng lớn

Thông tin một số hợp đồng có giá trị lớn của NAG

Stt	Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào	Sản phẩm, dịch vụ đầu ra	Các đối tác tham gia	Mối quan hệ của các đối tác tham gia với TCPH
I. CÁC HỢP ĐỒNG ĐÃ ĐƯỢC THỰC HIỆN								
1	HĐ 2024002 TL WM/NA-PS	2,820,696.02 (USD)	23/11/2023	15/12/2023 đến 19/04/2024	Điều hòa		PENSEUR INDUSTRIES SDN BHD (587108-T)	Không có
2	HĐ 2024003 TL WM/NA-PS	2,576,715.17 (USD)	23/11/2023	22/12/2023 đến 28/05/2024	Điều hòa		PENSEUR INDUSTRIES SDN BHD (587108-T)	Không có
3	HĐ 2024002 TL WM/ NA - CJ	2,218,495,20 (USD)	23/11/2023	14/12/2023 đến 24/04/2024	Điều hòa		CJ Century Technology SDN.BHD	Không có
4	HĐ 2024006 TL WM/ NA - CJ	2,618,209.48 (USD)	23/01/2024	30/01/2024 đến 18/07/2024	Điều hòa		CJ Century Technology SDN.BHD	Không có
5	HĐ 02012023/HĐNT/NAG-AV	654.577.074.635 (VND)	02/01/2023	02/01/2023 đến 31/12/2023		Điều hòa và Linh kiện	Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	Ghi chú bên dưới (*)

Stt	Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào	Sản phẩm, dịch vụ đầu ra	Các đối tác tham gia	Mối quan hệ của các đối tác tham gia với TCPH
6	HĐ 02012025/HĐNT/NAG-AV	35.580.467.600 (VND)	02/01/2025	02/01/2023 đến 31/12/2025		Linh kiện	Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	
7	HĐ 02012024/HĐNT/NAG-AV	489.648.461.974 (VND)	02/01/2024	02/01/2024 đến 31/12/2024		Điều hòa và Linh kiện	Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	
8	HĐ 231123.HĐ/NAG-NNC	14.216.013.818 (VND)	23/11/2023	22/12/2023 đến 28/05/2024		Điều hòa	Công ty cổ phần Điện lạnh Ngọc Nguyên Châu	Không có
9	HĐ 1032024/2024/NAG-PHTD	119.398.751.430 (VND)	01/03/2024	01/03/2024 đến 31/12/2025		Điều hòa	Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ Cao Dầu Khí	Không có
II. CÁC HỢP ĐỒNG ĐÃ KÝ KẾT VÀ ĐANG THỰC HIỆN								
1	2025003 TL WM/ NA - CJ	4,566,258,00 (USD)	07/11/2024	Năm 2025	Điều hòa		CJ Century Technology SDN.BHD	Không có
2	2025004 TL WM/ NA - CJ	4,111,227.20 (USD)	15/11/2024	Năm 2025	Điều hòa		CJ Century Technology SDN.BHD	Không có
3	HĐ 2025003 TL WM/NA-PS	2,859,735.50 (USD)	08/11/2024	Năm 2025	Điều hòa		PENSEUR INDUSTRIES	Không có

Stt	Tên Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào	Sản phẩm, dịch vụ đầu ra	Các đối tác tham gia	Mối quan hệ của các đối tác tham gia với TCPH
							SDN BHD (587108-T)	

III. CÁC HỢP ĐỒNG ĐÃ KÝ KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN

Không có.

Nguồn: NAG

(*) Ghi chú:

Tại thời điểm trong năm 2023, 2024 và 2025 khi các hợp đồng giữa Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ (AVC) và NAG phát sinh thì:

- **AVC là người có liên quan của cổ đông lớn của NAG – ông Nguyễn Đức Khả:** Ông Nguyễn Đức Khả là thành viên HĐQT của AVC với giá trị góp vốn: 27 tỷ đồng, tỷ lệ sở hữu: 90% tại AVC; đồng thời Ông Nguyễn Đức Khả là cổ đông lớn của NAG (Tại ngày 31/12/2023, ông Khả nắm giữ 11.943.854 cổ phiếu NAG; tỷ lệ: 37,74%. Tại ngày 31/12/2024, ông Khả nắm giữ 12.899.361 cổ phiếu NAG; tỷ lệ: 37,74%. Tại ngày 31/12/2025, ông Khả nắm giữ 13.931.309 cổ phiếu NAG; tỷ lệ: 37,74%).

Tuy nhiên, đến ngày 27/05/2025, ông Khả đã thoái toàn bộ vốn góp tại AVC và không còn nắm giữ chức vụ nào tại AVC. Do đó, các giao dịch giữa NAG và AVC phát sinh sau thời điểm đó sẽ không phải là giao dịch giữa Công ty và người có liên quan của cổ đông lớn.

- **AVC là cổ đông lớn của NAG:** AVC nắm giữ 3.216.796 cổ phiếu NAG, tương ứng với tỷ lệ 10,165% vốn điều lệ của NAG.

Tuy nhiên, theo Báo cáo về ngày không còn là cổ đông lớn nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu số 07/2024/BC-AV của AVC ngày 8/4/2024, AVC đã thực hiện bán khớp lệnh và thỏa thuận 3.216.796 cổ phiếu NAG, tương ứng với tỷ lệ 10,165% vốn điều lệ của NAG vào các ngày 27/03/2024, 28/03/2024, 29/03/2024, 01/04/2024, 02/04/2024 và ngày 04/04/2024. Sau khi thực hiện giao dịch, AVC nắm giữ 0 cổ phiếu NAG, tương ứng với tỷ lệ 0% vốn điều lệ của NAG. Do đó, các giao dịch phát sinh từ ngày 05/04/2024 không phải là giao dịch của NAG với cổ đông lớn.

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

10.6.1. Các khách hàng lớn

Thông tin các khách hàng lớn của NAG

Stt	Tên khách hàng	Giá trị giao dịch (Đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh thu	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ giữa khách hàng với thành viên HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD và cổ đông lớn của NAG
Hợp đồng năm 2023					
1	Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ (“AVC”)	676.928.830.835	32%	Phụ kiện điều hòa: ống đồng, máy nén, dàn nóng, mô tơ máy, vỏ...	1. AVC là cổ đông lớn của NAG: Tại thời điểm ký hợp đồng, AVC nắm giữ 3.216.796 cổ phiếu NAG - tỷ lệ sở hữu 10,16%. 2. AVC là người có liên quan của cổ đông lớn của NAG – ông Nguyễn Đức Khả: Ông Nguyễn Đức Khả là thành viên HĐQT của AVC với giá trị góp vốn: 27 tỷ đồng, tỷ lệ sở hữu: 90% tại AVC; đồng thời ông Nguyễn Đức Khả là cổ đông lớn của NAG.
2	Công ty cổ phần Điện lạnh Ngọc Nguyên Châu	96.234.733.077	5%	Điều hòa	Không có
3	Công ty TNHH Thương Mại và Tư vấn Kỹ thuật - Cao	84.982.162.650	4%	Điều hòa, linh kiện	Không có
4	Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh HC Toàn Cầu	197.092.526.823	9%	Điều hòa, linh kiện	Không có
5	Công ty TNHH Hồng Lợi Nam	57.177.890.200	3%	Điều hòa, linh kiện	Không có

Stt	Tên khách hàng	Giá trị giao dịch (Đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh thu	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ giữa khách hàng với thành viên HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD và cổ đông lớn của NAG
6	Công Ty TNHH SX Và TM Thiết Bị Điện Tử Minh Long	53.880.523.635	3%	Điều hòa, linh kiện	Không có
Hợp đồng năm 2024					
1	Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ (“AVC”)	694.796.242.164	26%	Phụ kiện điều hòa: ống đồng, máy nén, dàn nóng, mô tơ máy, vỏ...	1. AVC là cổ đông lớn của NAG: Tại thời điểm ký hợp đồng, AVC nắm giữ 3.216.796 cổ phiếu NAG - tỷ lệ sở hữu 10,16%. Tuy nhiên, tại ngày 04/04/2024, AVC đã bán toàn bộ vốn góp tại NAG và không còn nắm giữ cổ phiếu NAG. Do đó, các giao dịch phát sinh kể từ ngày 05/04/2024 không phải là giao dịch của NAG với cổ đông lớn. 2. AVC là người có liên quan của cổ đông lớn của NAG – ông Nguyễn Đức Khả: Ông Nguyễn Đức Khả là thành viên HĐQT của AVC với giá trị góp vốn: 27 tỷ đồng, tỷ lệ sở hữu: 90% tại AVC; đồng thời Ông Nguyễn Đức Khả là cổ đông lớn của NAG.
2	Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh HC Toàn Cầu	281.557.241.000	10%	Điều hòa, linh kiện	Không có
3	Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn Kỹ thuật - Cao	206.476.034.000	8%	Điều hòa, linh kiện	Không có
4	Công ty cổ phần Điện lạnh Ngọc Nguyên Châu	171.691.550.547	6%	Điều hòa	Không có

Stt	Tên khách hàng	Giá trị giao dịch (Đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh thu	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ giữa khách hàng với thành viên HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD và cổ đông lớn của NAG
5	Công Ty TNHH Hồng Lợi Nam	115.305.857.138	4%	Điều hòa	Không có
6	Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Việt Hàn	82.373.979.953	3%	Điều hòa	Không có
7	Công ty TNHH một thành viên Thương mại Đức Thành	67.920.629.998	2%	Điều hòa	Không có
8	Công Ty Cổ Phần Thế Giới Di Động	63.632.996.094	2%	Điều hòa	Không có
9	Công ty cổ phần Phân phối sản phẩm Công nghệ cao dầu khí	63.464.384.487	2%	Điều hòa	Không có
Hợp đồng năm 2025					
1	Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ ("AVC")	731.904.910.887	22%	Phụ kiện điều hòa: ống đồng, máy nén, dàn nóng, mô tơ máy, vỏ...	AVC là người có liên quan của cổ đông lớn của NAG – ông Nguyễn Đức Khả: Ông Nguyễn Đức Khả là thành viên HĐQT của AVC với giá trị góp vốn: 27 tỷ đồng, tỷ lệ sở hữu: 90% tại AVC; đồng thời Ông Nguyễn Đức Khả là cổ đông lớn của NAG. Tuy nhiên, đến ngày 27/05/2025, ông Khả đã thoái toàn bộ vốn góp tại AVC và không còn nắm giữ chức vụ nào tại AVC. Do đó, các giao dịch giữa NAG và AVC phát sinh sau thời điểm đó sẽ ko phải là giao dịch giữa Công ty và người có liên quan của cổ đông lớn.

Stt	Tên khách hàng	Giá trị giao dịch (Đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh thu	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ giữa khách hàng với thành viên HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD và cổ đông lớn của NAG
2	Công ty cổ phần Điện lạnh Ngọc Nguyên Châu	243.197.989.516	7%	Điều hòa	Không có
3	Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn Kỹ thuật - Cao	285.548.682.956	9%	Điều hòa, linh kiện	Không có
4	Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Việt Hàn	128.651.459.194	4%	Điều hòa, đồ gia dụng	Không có
5	Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh HC Toàn Cầu	285.234.844.958	9%	Điều hòa, linh kiện	Không có
6	Công ty cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Nam Sa Pa	124.399.488.953	4%	Điều hòa, đồ gia dụng	Không có
7	Công ty TNHH một thành viên Thương mại Đức Thành	107.925.831.678	3%	Điều hòa, đồ gia dụng	Không có
8	Công ty cổ phần Đầu tư và dịch vụ thương mại TTC	91.921.454.116	3%	Điều hòa, đồ gia dụng	Không có
9	Công ty cổ phần Thế giới di động	462.599.373.754	14%	Điều hòa, đồ gia dụng	Không có
10	Công ty TNHH Hồng Lợi NaM	161.654.711.460	5%	Điều hòa, đồ gia dụng	Không có
11	Công ty Cổ Phần Phân Phối Sản Phẩm Công Nghệ Cao Dầu Khí	104.183.364.444	3%	Điều hòa, đồ gia dụng	Không có

Nguồn: NAG

10.6.2. Các nhà cung cấp lớn

Thông tin các nhà cung cấp lớn của NAG

Stt	Tên nhà cung cấp	Giá trị giao dịch	Giá trị giao dịch/Doanh thu	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông của TCPH
Hợp đồng năm 2023					
1	CJ Century Technology SDN.BHD	252.203.879.580	12%	Điều hòa	Không có
2	Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Thiết Bị Điện Tử Minh Long	241.622.665.735	11%	Phụ kiện điều hòa: ống đồng, máy nén, dàn nóng, mô tơ máy, vỏ...	Không có
3	Công Ty TNHH Kinh Doanh Và Phát Triển Kỹ Thuật Hà Nội	229.532.841.118	11%	Phụ kiện điều hòa: ống đồng, máy nén, dàn nóng, mô tơ máy, vỏ...	Không có
4	PENSEUR INDUSTRIES SDN BHD (587108-T)	136.833.249.285	6%	Điều hòa	Không có
5	Công ty cổ phần Tramexco	80.486.073.800	4%	Điều hòa	Không có
6	TCL Air Conditioner (Zhongshan) Co., LTD.	72.875.859.806	3%	Điều hòa	Không có
Hợp đồng năm 2024					
1	CJ Century Technology SDN.BHD	426.447.733.520	16%	Điều hòa	Không có
2	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thiết bị điện tử Minh Long	330.995.629.921	12%	Phụ kiện điều hòa: ống đồng, máy nén, dàn nóng, mô tơ máy, vỏ...	Không có

Stt	Tên nhà cung cấp	Giá trị giao dịch	Giá trị giao dịch/Doanh thu	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông của TCPH
3	Công ty TNHH Kinh doanh và Phát triển Kỹ thuật Hà Nội	300.257.871.562	11%	Phụ kiện điều hòa: ống đồng, máy nén, dàn nóng, mô tơ máy, vỏ...	Không có
4	PENSEUR INDUSTRIES SDN BHD (587108-T)	241.376.906.849	9%	Điều hòa	Không có
5	TCL Air Conditioner (Zhongshan) Co., LTD.	210.850.343.503	8%	Điều hòa	Không có
6	Công ty cổ phần Tramexco	88.924.749.648	3%	Điều hòa	Không có
7	CTCP Phân phối sản phẩm công nghệ cao dầu khí	70.802.190.152	3%	Điều hòa	Không có
Hợp đồng năm 2025					
1	CJ Century Technology SDN.BHD	811.433.257.430	17%	Điều hòa	Không có
2	PENSEUR INDUSTRIES SDN BHD (587108-T)	427.551.451.608	9%	Điều hòa	Không có
3	Công ty TNHH Kinh doanh và Phát triển Kỹ thuật Hà Nội	242.195.961.500	5%	Phụ kiện điều hòa: ống đồng, máy nén, dàn nóng, mô tơ máy, vỏ...	Không có
4	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thiết bị điện tử Minh Long	186.067.440.000	4%	Phụ kiện điều hòa: ống đồng, máy nén, dàn nóng, mô tơ máy, vỏ...	Không có
5	UNICO CONSUMER PRODUCTS CO., LTD	190.151.485.432	4%	Điều hòa	Không có
6	Công ty cổ phần Tramexco	44.175.215.000	1%	Điều hòa	Không có

BẢN CÁO BẠCH**Nagakawa**

Stt	Tên nhà cung cấp	Giá trị giao dịch	Giá trị giao dịch/Doanh thu	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông của TCPH
7	NINGBO AUX ELECTRIC CO., LTD (Naga -USD)	36.353.343.553	1%	Gia dụng	Không có

Nguồn: NAG

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành**a) Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

Nagakawa hiện đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thương mại, cụ thể là ngành hàng điện lạnh (sản phẩm chủ lực là điều hòa không khí), ngành hàng gia dụng và các sản phẩm thiết bị nhà bếp cao cấp nhập khẩu. Với mỗi ngành hàng kinh doanh, Công ty đang chiếm một thị phần và vị thế nhất định trên thị trường so với các đối thủ cạnh tranh cả trong nước và quốc tế, cụ thể:

➤ Ngành điện lạnh (nhóm hàng điều hòa không khí)

Tại Việt Nam, thị trường điều hòa diễn ra sôi động khi có sự cạnh tranh mạnh mẽ đến từ nhiều thương hiệu trong và ngoài nước. Trong đó, phổ biến là các sản phẩm điều hòa có thương hiệu đến từ Nhật bản (Daikin, Panasonic, Mitsubishi, Toshiba, v.v...) và Hàn quốc (LG, Samsung, v.v...). Bên cạnh đó, các sản phẩm điều hòa thương hiệu Việt Nam như Funiki, Sunhouse, Kangaroo và Asanzo cũng được người tiêu dùng ưa chuộng bởi mức giá hợp lý và cạnh tranh so với các đối thủ đến từ quốc tế.

Công ty chưa thực hiện các nghiên cứu chi tiết về thị trường và các bên tham gia vào thị trường đối với ngành hàng điều hòa không khí, do đó, Công ty chưa có các số liệu liên quan đến thị phần để khẳng định vị thế của Công ty trong ngành.

➤ Ngành hàng gia dụng

Hiện nay, mức độ cạnh tranh của các doanh nghiệp trong ngành hàng gia dụng tại Việt Nam là rất lớn, trong đó có các sản phẩm mang thương hiệu của các doanh nghiệp Việt Nam như Sunhouse, Kangaroo, Elmich, v.v... Ngoài ra, thị trường đồ gia dụng còn tiếp tục nóng lên khi liên tục xuất hiện các thương hiệu lớn đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Đức... theo hình thức nhập khẩu, phân phối và bán lẻ.

Công ty chưa thực hiện các nghiên cứu chi tiết về thị trường và các bên tham gia vào thị trường đối với ngành hàng gia dụng, do đó, Công ty chưa có các số liệu liên quan đến thị phần để khẳng định vị thế của Công ty trong ngành.

➤ Ngành thiết bị nhà bếp

Nagakawa hiện đang định vị nhóm sản phẩm thiết bị nhà bếp của mình thuộc phân khúc trung – cao cấp với mức giá hợp lý so với các đối thủ hiện đang kinh doanh cùng nhóm sản phẩm. Trong đó, các nhãn hàng quốc tế (Bosch, Malloca, Teka, v.v...) đang thuộc phân khúc chất lượng cao với giá bán sản phẩm cao, khách hàng mục tiêu là những người tiêu dùng có thu nhập lớn.

Công ty chưa thực hiện các nghiên cứu chi tiết về thị trường và các bên tham gia vào thị trường đối với ngành hàng thiết bị nhà bếp, do đó, Công ty chưa có các số liệu liên quan đến thị phần để khẳng định vị thế của Công ty trong ngành.

b) Triển vọng phát triển của ngành**➤ Ngành điện lạnh:**

Với đặc thù khí hậu nhiệt đới gió mùa, nền nhiệt cao và tình trạng nắng nóng kéo dài vào mùa hè, nhu cầu sử dụng các thiết bị làm mát không khí, đặc biệt là điều hòa, tại Việt Nam luôn duy trì ở mức cao và có xu hướng gia tăng theo từng năm.

Bên cạnh yếu tố khí hậu, tốc độ đô thị hóa nhanh, sự bùng nổ của các dự án nhà ở, chung cư cao tầng, trung tâm thương mại cùng với tiến độ xây dựng ngày càng rút ngắn đã tạo ra nguồn cầu lớn, ổn định và mang tính dài hạn cho thị trường. Đồng thời, sự phát triển mạnh của các khu công nghiệp, nhà máy sản xuất và tổ hợp logistics trên cả nước cũng thúc đẩy nhu cầu về các giải pháp điều hòa không khí công suất lớn, hệ thống trung tâm và giải pháp kỹ thuật đồng bộ.

Xu hướng tiêu dùng hiện nay chuyển dịch theo hướng cá nhân hóa và tối ưu trải nghiệm. Người tiêu dùng ngày càng ưu tiên các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, ứng dụng công nghệ Inverter, Eco Mode, sử dụng môi chất lạnh R32 thân thiện với môi trường, đồng thời tích hợp các tính năng nâng cao như lọc không khí, khử khuẩn, điều khiển từ xa qua ứng dụng/giọng nói và khả năng kết nối hệ sinh thái nhà thông minh (smart home).

Ở phân khúc thương mại và công nghiệp, nhu cầu đối với các hệ thống VRF, Chiller cho khách sạn, trung tâm thương mại, tòa nhà văn phòng và nhà xưởng tiếp tục tăng trưởng tích cực. Thị trường không chỉ đòi hỏi sản phẩm chất lượng cao mà còn yêu cầu giải pháp tổng thể, bao gồm tư vấn thiết kế, cung ứng thiết bị, lắp đặt, vận hành và dịch vụ hậu mãi đạt tiêu chuẩn quốc tế.

➤ Ngành hàng gia dụng:

Thị trường thiết bị gia dụng Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng ổn định nhờ nhu cầu nâng cấp chất lượng sống, thay thế thiết bị cũ và xu hướng tiêu dùng tiện nghi. Người tiêu dùng chú trọng nhiều hơn đến yếu tố bền bỉ, an toàn, tiết kiệm điện và dễ vệ sinh. Hành vi mua sắm cũng thay đổi đáng kể với sự dịch chuyển mạnh sang thương mại điện tử, nơi người mua ra quyết định dựa vào đánh giá cộng đồng và trải nghiệm của người dùng khác.

Bên cạnh đó, các thiết bị gia dụng thông minh, kết nối IoT đang trở thành một trong những phân khúc tăng trưởng nhanh, nhờ khả năng điều khiển từ xa, giám sát mức tiêu thụ điện và cảnh báo bảo trì. Dù phải đối mặt với áp lực cạnh tranh từ hàng nhập khẩu giá thấp và bài toán kiểm soát chất lượng thị trường, ngành gia dụng vẫn có tiềm năng tăng trưởng nhờ nhóm khách hàng trẻ và xu hướng hiện đại hóa trong tiêu dùng.

➤ Ngành thiết bị nhà bếp cao cấp:

Sự gia tăng tầng lớp trung lưu và làn sóng nâng cấp không gian sống là động lực chính thúc đẩy nhu cầu thiết bị nhà bếp cao cấp tại Việt Nam. Người tiêu dùng ngày càng ưu tiên các sản phẩm có thiết kế tối giản, có tính thẩm mỹ cao và tích hợp nhiều tính năng an toàn như khóa trẻ em, chống tràn, cảnh báo nhiệt. Một xu hướng nổi bật là nhu cầu mua trọn bộ thiết bị đồng bộ

(bếp, hút mùi, lò nướng, máy rửa bát) để tối ưu sự tiện lợi và đảm bảo tính đồng nhất thẩm mỹ.

Ngoài ra, khả năng kết nối với ứng dụng quản lý, theo dõi tiêu thụ điện năng cũng trở thành điểm cộng quan trọng. Mặc dù phân khúc này đòi hỏi mức đầu tư cao và nhạy cảm với biến động kinh tế, triển vọng vẫn khả quan nhờ sự tăng trưởng của thị trường bất động sản cao cấp và nhu cầu “nâng cấp bếp” tại các đô thị lớn. Những doanh nghiệp kết hợp tốt thiết kế, công nghệ và dịch vụ hậu mãi sẽ có cơ hội dẫn đầu.

c) Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.

Ngành điện lạnh, gia dụng và thiết bị nhà bếp tại Việt Nam đang bước vào giai đoạn tăng trưởng ổn định, được hỗ trợ bởi tốc độ đô thị hóa cao, thu nhập bình quân đầu người tăng, nhu cầu nâng cấp chất lượng sống và thay thế thiết bị cũ. Chính phủ đẩy mạnh các chính sách khuyến khích tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và sử dụng công nghệ thân thiện môi trường (dán nhãn năng lượng, tiêu chuẩn MEPS), tạo áp lực đổi mới sản phẩm. Trên thế giới, xu hướng phổ biến là chuyển dịch sang các thiết bị hiệu suất cao, tích hợp IoT, điều khiển thông minh, tiết kiệm điện – nước, thân thiện môi trường và tối ưu trải nghiệm người dùng. Điều này định hình một thị trường cạnh tranh, đòi hỏi doanh nghiệp trong nước không chỉ cạnh tranh về giá mà còn về công nghệ, dịch vụ hậu mãi và kênh phân phối hiện đại.

Trong giai đoạn 2022 – 2026, NAG đặt mục tiêu trở thành tập đoàn đa ngành vững mạnh, duy trì vị thế trong *“Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam”* và *“Top 50 doanh nghiệp phát triển nhanh nhất”*. Để đạt mục tiêu này, Công ty tập trung tái cơ cấu bộ máy quản trị phù hợp bối cảnh thị trường biến động, tăng cường quản trị rủi ro và tối ưu hiệu quả tài chính. NAG chủ trương mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hợp tác đầu tư, liên doanh và xây dựng quan hệ bền vững với nhà phân phối – nhà cung cấp. Về thị trường, Công ty tiếp tục củng cố thế mạnh ở khu vực miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh thâm nhập miền Trung, miền Nam và tăng cường các hoạt động marketing đa kênh để tiếp cận nhóm khách hàng trẻ. Về sản phẩm, NAG tuân thủ tiêu chuẩn chất lượng, tập trung vào thiết kế, công nghệ mới và sự tiện dụng, bám sát xu hướng tiêu dùng. Ngoài ra, doanh nghiệp chú trọng đào tạo nhân sự, nâng cao kỹ năng quản trị và giữ chân nhân tài nhằm tạo nền tảng phát triển bền vững. Chiến lược hành động đối với từng ngành hoạt động kinh doanh cụ thể như sau:

- **Ngành điện lạnh:** NAG tập trung mở rộng mạnh phân khúc điều hòa thương mại, đáp ứng đa dạng nhu cầu từ nhà ở dân dụng, văn phòng, khách sạn đến công trình công nghiệp. Danh mục sản phẩm bao phủ hầu hết dải công suất, từ điều hòa treo tường, cassette âm trần, tủ đứng công suất lớn đến hệ thống VRF trung tâm. Định hướng phát triển sản phẩm gắn với tối ưu hiệu suất năng lượng, áp dụng công nghệ inverter thế hệ mới, môi chất lạnh thân thiện môi trường, đồng thời đảm bảo vận hành bền bỉ và dịch vụ hậu mãi chuyên nghiệp.

- **Ngành hàng gia dụng:** NAG ưu tiên phát triển các sản phẩm gia dụng thông minh, an

toàn, tiện lợi như máy lọc không khí, nồi chiên không dầu, cây nước nóng lạnh, bếp từ... với thiết kế tối giản, độ bền cao, phù hợp không gian sống đô thị. Định hướng thương hiệu tập trung vào giá trị sức khỏe và chất lượng sống của người tiêu dùng, gắn thông điệp “Vì sức khỏe người Việt” với toàn bộ danh mục sản phẩm.

- **Ngành thiết bị nhà bếp cao cấp:** Công ty mở rộng danh mục bếp từ, hút mùi, lò nướng, máy rửa bát và bộ chậu – vòi – máy xử lý rác thải, nhằm phục vụ nhu cầu đa dạng của gia đình trẻ, ưa công nghệ, yêu cầu tính thẩm mỹ cao. Sản phẩm được định hướng thiết kế tối ưu, tính năng đa nhiệm, tiết kiệm điện – nước, cạnh tranh với các thương hiệu nhập khẩu về cả chất lượng và giá trị dịch vụ.

Với định hướng này, NAG vừa bám sát chính sách tiết kiệm năng lượng và xu thế toàn cầu về sản phẩm thông minh, thân thiện môi trường, vừa tận dụng lợi thế về kênh phân phối và dịch vụ hậu mãi để mở rộng thị phần. Chiến lược phát triển của NAG cho từng nhóm ngành hàng cho thấy sự đồng bộ với xu thế thị trường và định hướng phát triển của Nhà nước, giúp Công ty duy trì lợi thế cạnh tranh và tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

10.8. Hoạt động Marketing

Đối với từng ngành hàng kinh doanh, Nagakawa đều xây dựng những chiến lược Marketing và truyền thông riêng phù hợp với đặc thù của ngành hàng đó, cụ thể như sau:

➤ Ngành hàng điện lạnh (nhóm hàng điều hòa không khí)

Với ngành hàng điều hòa không khí, Nagakawa xây dựng chiến lược Marketing với thông điệp “Điều hòa không khí Nagakawa - Vượt kỳ vọng, Thỏa ước mong” cùng 4 yếu tố chính sau: tiết kiệm điện năng; tính năng tốt cho sức khỏe; tiện ích thông minh và vận hành bền bỉ. Các hoạt động truyền thông cho sản phẩm điều hòa được Nagakawa triển khai trên các hệ thống, kênh sau:

- TV Ads: Sử dụng TVC quảng cáo trên các kênh truyền hình vào các khung giờ vàng;
- VOV Ads: Quảng cáo VOV trong các khung giờ cao điểm tại Hà Nội và HCM;
- OOH & D-OOH Ads: Hệ thống màn hình sân bay, tòa nhà và chung cư cao cấp; Biển quảng cáo ngoài trời tại các điểm quốc lộ đi tỉnh, xe khách, xe buýt, v.v...
- Kênh trực tiếp: Trưng bày sản phẩm tại đại lý phân phối; Catalog, tờ rơi; Tổ chức các hội nghị khách hàng và các hoạt động roadshow tại các thành phố lớn nhằm giới thiệu sản phẩm/ tính năng mới của điều hòa Nagakawa và gia tăng tình cảm với nhà phân phối/ đại lý, v.v...
- Các nền tảng mạng xã hội hiện đại như: Google Ads (SEM); Youtube Ads (Trueview & Bumper), v.v...

➤ Ngành hàng gia dụng và thiết bị nhà bếp cao cấp

Với ngành hàng gia dụng & thiết bị nhà bếp cao cấp, Nagakawa tuân theo chiến lược “Lấy khách hàng làm trung tâm” được thiết kế xung quanh nhu cầu của khách hàng. Trong đó, với riêng

nhóm ngành thiết bị nhà bếp cao cấp, Nagakawa xây dựng riêng chiến lược Marketing với thông điệp “Tâm an tại bếp” nhằm hướng người tiêu dùng đến những sản phẩm tiện nghi, an tâm, an toàn và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của các gia đình tại Việt Nam.

Các hoạt động truyền thông đối với ngành hàng gia dụng và thiết bị nhà bếp được Công ty triển khai trên một số kênh tương tự với ngành hàng điều hòa không khí như đã nêu ở trên. Tuy nhiên, do thị phần của nhóm sản phẩm này chưa lớn nên Công ty cũng chú trọng triển khai trên các kênh truyền thông khác nhằm tiếp cận được nhiều khách hàng mục tiêu mới đặc biệt là giới trẻ, cụ thể như sau:

- Các kênh digital: Google; Youtube; Facebook, v.v...
- Hệ thống biển quảng cáo ngoài trời: >10.000 frame thang máy, 3.000 màn hình siêu thị lớn toàn quốc, 500 màn hình lớn tại các sân bay, 50 biển quảng cáo tấm lớn, v.v...
- Truyền thông tại điểm bán: quầy kệ trưng bày sản phẩm
- Kênh báo chí: Đưa tin tức thường xuyên trên gần 30 đầu báo uy tín trên toàn quốc như CafeF, Cafebiz, Dân trí, Vnexpress, Báo đầu tư, v.v...
- Kênh truyền thông số khác: Quảng cáo online: GDN, Admicro, SEM, SEO, v.v...

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Nhãn hiệu Công ty:

Nagakawa

Nhãn hiệu Logo Nagakawa đã được Công ty đăng ký nhãn hiệu hàng hóa tại Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 140828 đính kèm theo Quyết định số 1098/QĐ-SHTT ngày 18/01/2010.

10.10. Chính sách nghiên cứu, phát triển

Hiện nay, Nagakawa đang không ngừng triển khai các dự án về nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường và nâng cao ưu thế về chất lượng sản phẩm với các đối thủ cạnh tranh. Các sản phẩm mới được phát triển dựa trên giá trị cốt lõi của Nagakawa, cụ thể:

- **Tận tâm:** Mỗi sản phẩm đều xuất phát từ cái tâm của những con người Nagakawa.
- **Sáng tạo:** Sáng tạo là động lực của sự phát triển và tạo ra dấu ấn riêng của Nagakawa.
- **Thân thiện:** Nagakawa cung cấp những sản phẩm thân thiện và phục vụ đại đa số gia đình Việt.
- **Tin cậy:** là nền tảng xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển của Nagakawa

Các sản phẩm mới của Nagakawa khi ra mắt luôn đáp ứng các tiêu chuẩn về kỹ thuật, chất lượng, tính tiện lợi đối với cuộc sống:

- Sản phẩm an toàn không gây hại cho sức khỏe;
- Sản phẩm áp dụng công nghệ tiên tiến hiện đại;
- Sản phẩm tiết kiệm chi phí, tiết kiệm năng lượng;
- Chất lượng sản phẩm bền bỉ;
- Sản phẩm dễ sử dụng cho tất cả mọi người;
- Sản phẩm phù hợp với mọi gia đình theo phong cách hiện đại.

Đội ngũ nghiên cứu và phát triển sản phẩm của Nagakawa tuân thủ những tiêu chuẩn khắt khe về kiểm duyệt, đánh giá chất lượng và độ an toàn của sản phẩm; phân tích định kỳ các số liệu bán hàng, phản hồi của khách hàng cũng như là các lỗi sản phẩm được bảo hành của các năm, để từ đó cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm mới.

Trong năm 2025, Công ty đã có những kế hoạch về phát triển và ra mắt các sản phẩm với từng mã hàng phục vụ cho từng nhóm khách hàng tại mức giá phù hợp. Đồng thời, Nagakawa cũng đã lên kế hoạch phù hợp cho những sản phẩm mang tính mùa vụ (mùa đông - hè), các kế hoạch bán hàng trong các dịp lễ lớn và các tháng mua sắm cao điểm của người tiêu dùng, v.v...

11. Chính sách lao động

➤ Cơ cấu người lao động:

Cơ cấu người lao động bình quân 2 năm 2024 và 2025

Tiêu chí phân loại	Bình quân năm 2024		Bình quân năm 2025	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo trình độ lao động	303	100%	306	100%
1. Thạc sỹ, Tiến sỹ và sau Đại học	11	3,63%	11	3,59%
2. Đại học, Cao đẳng	237	78,22%	239	78,10%
3. Trung cấp, Sơ cấp và chứng chỉ nghề	24	7,92%	23	7,52%
4. Lao động phổ thông	31	10,23%	33	10,78%
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động	303	100%	306	100%
1. Lao động không xác định thời hạn	77	25,41%	71	23,20%
2. Lao động hợp đồng thời hạn từ 06 tháng - 03 năm	226	74,59%	235	76,80%

Tiêu chí phân loại	Bình quân năm 2024		Bình quân năm 2025	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
3. Lao động thử việc và thời vụ	0	0%	0	0%

Nguồn: NAG

➤ **Chính sách đào tạo:**

Nagakawa luôn chú trọng đầu tư cho lĩnh vực đào tạo và phát triển đội ngũ nhân sự như: chủ động triển khai những khóa học đào tạo đội ngũ nhân viên trong cập nhật và tiếp cận các tri thức mới; kỹ năng làm việc và giải quyết vấn đề; kỹ năng quản lý và lãnh đạo. Theo đó, trong năm 2025, Nagakawa đã tổ chức hơn 310 khóa học, cung cấp 5.362 lượt đào tạo về nghiệp vụ và kỹ năng bán hàng cho nhân viên với thời gian đào tạo trung bình là 32 giờ/nhân sự.

➤ **Chính sách lương thưởng, phúc lợi:**

Chính sách lương thưởng và phúc lợi của Nagakawa được xây dựng căn cứ trên các tiêu chí: tương xứng với kết quả công việc, giá trị đóng góp; cạnh tranh theo thị trường, khuyến khích tăng kết quả và chất lượng công việc; công bằng và minh bạch, bao gồm:

- Lương cơ bản (12 tháng);
- Lương tháng thứ 13 được chi trả dịp tết Nguyên đán;
- Các phụ cấp: điện thoại, ăn trưa, công tác phí, kiêm nhiệm, v.v...;
- Phúc lợi xã hội: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ hàng năm;
- Chính sách tuyển dụng: Tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu và quy định của pháp luật về sử dụng lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn về thời gian và điều kiện làm việc, v.v...

➤ **Chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp:**

Nagakawa thường xuyên tổ chức các hoạt động thúc đẩy gắn kết CBNV với Công ty, nâng cao đời sống tinh thần của CBNV, đồng thời lưu giữ và duy trì các nét văn hóa riêng của doanh nghiệp như: các sự kiện văn hóa, thể thao, ngày thành lập Công ty (22/08), ngày hướng về cội nguồn (10/03 âm lịch), ngày Quốc tế Phụ nữ (08/03), giải chạy vì sức khỏe, v.v...

Nagakawa “lấy con người làm trọng tâm”, mọi ý tưởng và hoạt động đều khởi nguồn từ nhu cầu và mong muốn của con người, đặc biệt là những nhân viên đang miệt mài cống hiến cho công ty. Nagakawa lấy con người làm trung tâm, luôn nỗ lực tạo ra môi trường làm việc mang tới sự an tâm toàn diện, xây dựng một đại gia đình thấu hiểu và gắn kết.

➤ **Quy chế phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động:** Không có.

12. Chính sách cổ tức

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông qua các năm như sau:

Tình hình chi trả cổ tức của NAG

Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Ghi chú
2022	5% bằng tiền mặt	Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của CTCP Tập đoàn Nagakawa ngày 05/04/2023 (Đã chi trả)
2023	8% bằng cổ phiếu	Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của CTCP Tập đoàn Nagakawa ngày 26/04/2024 (Đã chi trả)
2024	8% bằng cổ phiếu	Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của CTCP Tập đoàn Nagakawa ngày 28/03/2025 (Đã chi trả)

Nguồn: NAG

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Công ty không có đợt chào bán chứng khoán nào trong năm 2023, 2024 và tính đến thời điểm đăng ký chào bán.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

Không có.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

Hội đồng quản trị Công ty xin cam kết, tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu năm 2025, Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà

chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Hoạt động kinh doanh của Công ty

Tóm tắt hoạt động kinh doanh của NAG

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/giảm 2024 so với 2023 (%)	Năm 2025
A. CÔNG TY MẸ				
1. Tổng giá trị tài sản	1.541.387.666.791	1.752.325.959.001	13,68%	2.197.721.894.638
2. Vốn chủ sở hữu	399.549.257.104	425.189.074.275	6,42%	477.091.534.585
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.056.572.188.378	2.644.545.900.751	28,59%	3.259.962.106.141
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	212.171.655.471	188.708.223.169	-11,06%	205.061.384.460
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	27.298.113.688	30.784.447.435	12,77%	47.421.170.933
6. Lợi nhuận khác	16.980.724.428	2.530.582.140	-85,10%	-1.356.667.390
7. Lợi nhuận trước thuế	44.278.838.116	33.315.029.575	-24,76%	46.064.503.543
8. Lợi nhuận sau thuế	35.895.084.995	26.142.820.143	-27,17%	36.279.460.310
9. Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty con	-	-	-	-
B. HỢP NHẤT				
1. Tổng giá trị tài sản	1.590.991.329.373	1.805.083.492.382	13,46%	2.226.274.659.042
2. Vốn chủ sở hữu	401.641.246.623	428.982.421.396	6,81%	477.387.587.347
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.118.135.624.311	2.723.254.612.787	28,57%	3.299.285.108.986

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/giảm 2024 so với 2023 (%)	Năm 2025
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	308.405.499.648	297.394.327.166	-3,57%	309.234.784.327
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16.034.330.339	33.111.080.435	106,50%	46.244.893.743
6. Lợi nhuận khác	15.997.334.729	2.258.826.405	-85,88%	-3.354.425.404
7. Lợi nhuận trước thuế	32.031.665.068	35.369.906.840	10,42%	42.890.468.339
8. Lợi nhuận sau thuế	25.150.148.589	26.944.177.745	7,13%	32.782.165.951
9. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	100,66%	101,48%	0,81%	-
10. Tỷ lệ cổ tức	8%	8%	0%	-

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC quý 4 năm 2025 riêng và hợp nhất tự lập của NAG

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

1.2.1. Thuận lợi

Nagakawa là thương hiệu Việt Nam đã có hơn 20 năm hình thành và phát triển, với sản phẩm chủ lực là máy điều hòa không khí – nhóm sản phẩm quen thuộc, được người tiêu dùng trong nước tin tưởng và sử dụng rộng rãi. Uy tín thương hiệu được xây dựng trong thời gian dài là nền tảng quan trọng giúp Công ty duy trì thị phần và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Công ty sở hữu hệ thống phân phối rộng khắp trên nhiều tỉnh, thành phố, bao gồm mạng lưới đại lý truyền thống, siêu thị điện máy, kênh bán hàng trực tuyến và hệ thống bán hàng trực tiếp. Mạng lưới này giúp Công ty tiếp cận khách hàng nhanh chóng, mở rộng độ phủ thương hiệu, đồng thời tối ưu hóa chi phí phân phối và bán hàng trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động. Nguồn nhân lực của Công ty bao gồm đội ngũ quản lý, cán bộ kỹ thuật và nhân viên kinh doanh có kinh nghiệm, am hiểu thị trường và gắn bó lâu dài với doanh nghiệp, cũng là một nhân tố thuận lợi. Đặc biệt, đội ngũ lãnh đạo trẻ, năng động, có kiến thức chuyên môn và khả năng nắm bắt nhanh xu hướng thị trường đã hỗ trợ tích cực cho việc triển khai chiến lược kinh doanh, phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường.

Ngoài ra, dịch vụ hậu mãi và chính sách bảo hành của Nagakawa được khách hàng đánh giá cao nhờ tính nhanh chóng, thuận tiện và đồng bộ trên toàn hệ thống. Đây là lợi thế cạnh tranh quan trọng, góp phần duy trì sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng.

1.2.2. Khó khăn

Bên cạnh các yếu tố thuận lợi nêu trên, trong 02 năm liên tục trước năm đăng ký chào bán, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng chịu tác động đáng kể từ các yếu tố bất lợi của môi trường kinh tế và thị trường.

Nền kinh tế trong nước và quốc tế có nhiều biến động, đặc biệt là áp lực lạm phát, biến động tỷ giá và lãi suất gia tăng, đã ảnh hưởng trực tiếp đến sức mua của người tiêu dùng. Các sản phẩm chủ lực của Nagakawa như điều hòa không khí, điện máy và thiết bị gia dụng không phải là nhóm hàng tiêu dùng thiết yếu trong ngắn hạn, do đó người tiêu dùng có xu hướng trì hoãn quyết định mua sắm trong các giai đoạn kinh tế khó khăn, làm ảnh hưởng đến doanh thu và tốc độ tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

Đồng thời, thị trường điện máy và điện lạnh trong nước ngày càng có dấu hiệu bão hòa, mức độ cạnh tranh cao, buộc Công ty phải liên tục đổi mới mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm, cải thiện dịch vụ và duy trì chính sách giá bán cạnh tranh để giữ chân khách hàng và mở rộng thị phần.

Áp lực cạnh tranh còn đến từ các doanh nghiệp lớn trong ngành đã hoạt động lâu năm, sở hữu hệ thống phân phối hoàn chỉnh, tập khách hàng ổn định và am hiểu sâu sắc hành vi người tiêu dùng. Các đối thủ này thường có danh mục sản phẩm đa dạng, bao phủ nhiều phân khúc giá và nhu cầu khác nhau, cùng với chiến lược marketing bài bản, hình ảnh thương hiệu được đầu tư chuyên nghiệp, tạo ra sức ép đáng kể đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, nhiều thương hiệu nước ngoài đã thâm nhập sâu vào thị trường Việt Nam và nhanh chóng chiếm lĩnh một phần đáng kể thị phần. Cùng với đó là sự xuất hiện ngày càng nhiều của các nhãn hàng mới, có nguồn gốc xuất xứ không rõ ràng, với mức giá bán thấp hơn mặt bằng chung của thị trường, đã tạo ra áp lực cạnh tranh về giá và ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Nagakawa.

1.2.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành.

Những biến động lớn có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Nagakawa bao gồm biến động kinh tế vĩ mô như lạm phát, lãi suất, tỷ giá ngoại tệ và các chính sách điều hành có thể tác động đến chi phí sản xuất, sức mua và chiến lược giá của Công ty. Bên cạnh đó, rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng, biến động giá nguyên vật liệu và chi phí logistics tăng cao có thể làm giảm biên lợi nhuận. Áp lực cạnh tranh gay gắt cùng sự thay đổi nhanh của xu hướng tiêu dùng buộc Công ty phải liên tục đổi mới sản phẩm, tăng chi phí marketing và R&D. Ngoài ra, các yếu tố bất khả kháng như dịch bệnh, thiên tai hay biến động chính trị – xã hội cũng có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Nagakawa sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ của Công ty.

Báo cáo về vốn điều lệ của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
Vốn điều lệ	316.465.410.000	341.777.690.000	386.202.350.000

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC quý 4 năm 2025 riêng và hợp nhất tự lập của NAG

Bảng báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của NAG

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
A. CÔNG TY MẸ			
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	399.549.257.104	425.189.074.275	477.091.534.585
1. Vốn góp của chủ sở hữu	316.465.410.000	341.777.690.000	386.202.350.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	5.348.010.000	5.348.010.000	5.148.010.000
3. Cổ phiếu quỹ	-20.000	-20.000	-20.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	8.292.554.359	9.550.061.788	10.897.270.675
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	69.443.302.745	68.513.332.487	74.843.923.910
II. NỢ PHẢI TRẢ	1.141.838.409.687	1.327.136.884.726	1.720.630.360.053
1. Nợ ngắn hạn	1.141.838.409.687	1.327.136.884.726	1.720.630.360.053
2. Nợ dài hạn	-	-	-
Tổng nguồn vốn kinh doanh	1.541.387.666.791	1.752.325.959.001	2.197.721.894.638
B. HỢP NHẤT			
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	401.641.246.623	428.982.421.396	477.387.587.347

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
1. Vốn góp của chủ sở hữu	316.465.410.000	341.777.690.000	386.202.350.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	5.348.010.000	5.348.010.000	5.148.010.000
3. Cổ phiếu quỹ	-20.000	-20.000	-20.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	8.570.273.947	9.827.781.376	11.174.990.263
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	52.365.799.875	52.265.629.264	54.671.828.205
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	18.891.772.801	19.763.330.756	20.190.428.879
II. NỢ PHẢI TRẢ	1.189.350.082.750	1.376.101.070.986	1.748.887.071.695
1. Nợ ngắn hạn	1.187.854.744.156	1.374.609.613.734	1.746.461.470.792
2. Nợ dài hạn	1.495.338.594	1.491.457.252	2.425.600.903
Tổng nguồn vốn kinh doanh	1.590.991.329.373	1.805.083.492.382	2.226.274.659.042

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC quý 4 năm 2025 riêng và hợp nhất tự lập của NAG

Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của NAG

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
A. CÔNG TY MẸ			
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	38.872.816.740	60.277.937.679	236.434.095.967
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	178.863.069.802	314.875.185.547	231.770.546.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	515.823.984.867	580.398.812.608	795.510.916.068
4. Hàng tồn kho	592.062.459.799	577.997.189.249	659.235.495.330
5. Tài sản ngắn hạn khác	2.997.851.311	2.238.398.186	1.658.241.038
6. Các khoản phải thu dài hạn	836.190.820	890.821.420	890.821.420
7. Tài sản cố định	23.203.619.159	18.546.852.715	27.275.746.713
8. Bất động sản đầu tư	-	-	48.127.233.750
9. Tài sản dở dang dài hạn	613.780.000	193.780.000	3.119.395.000

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
10. Đầu tư tài chính dài hạn	180.293.262.031	193.412.668.742	192.939.650.736
11. Tài sản dài hạn khác	7.820.632.262	3.494.312.855	759.752.616
Tổng cộng	1.541.387.666.791	1.752.325.959.001	2.197.721.894.638
B. HỢP NHẤT			
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	46.548.089.328	71.646.409.892	246.426.775.714
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	198.663.624.959	326.625.754.419	242.519.883.427
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	419.056.123.819	486.437.626.352	650.404.624.407
4. Hàng tồn kho	737.231.226.953	739.136.355.910	857.761.957.858
5. Tài sản ngắn hạn khác	11.499.495.845	8.396.000.028	5.528.688.887
6. Các khoản phải thu dài hạn	2.281.160.820	2.167.151.526	2.280.487.818
7. Tài sản cố định	102.807.476.706	94.436.662.507	96.625.986.564
8. Bất động sản đầu tư	-	-	48.127.233.750
9. Tài sản dở dang dài hạn	613.780.000	193.780.000	3.102.891.234
10. Đầu tư tài chính dài hạn	35.904.790.933	48.134.609.114	49.168.349.569
11. Tài sản dài hạn khác	36.385.560.010	27.909.142.634	24.327.779.814
Tổng cộng	1.590.991.329.373	1.805.083.492.382	2.226.274.659.042

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC quý 4 năm 2025 riêng và hợp nhất tự lập của NAG

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc:	10 – 25
Máy móc và thiết bị:	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	06 – 08
Thiết bị dụng cụ quản lý:	03 – 05
Tài sản cố định khác:	05

Nagakawa luôn thực hiện trích khấu hao tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

Tình hình tài sản cố định của NAG

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
A. CÔNG TY MẸ			
Tài sản cố định hữu hình	21.510.637.790	16.715.234.687	13.126.638.987
Nguyên giá	83.162.382.658	82.685.420.476	83.594.511.385
Giá trị hao mòn lũy kế	-61.651.744.868	-65.970.185.789	-70.467.872.398
Tài sản cố định vô hình	1.692.981.369	1.831.618.028	14.149.107.726
Nguyên giá	3.295.712.600	3.995.712.600	16.995.712.600
Giá trị hao mòn lũy kế	-1.602.731.231	-2.164.094.572	-2.846.604.874
B. HỢP NHẤT			
Tài sản cố định hữu hình	96.442.324.418	87.940.523.560	77.820.007.919
Nguyên giá	177.184.240.888	179.098.245.872	177.384.475.530
Giá trị hao mòn lũy kế	-80.741.916.470	-91.157.722.312	-99.564.467.611
Tài sản cố định vô hình	6.365.152.288	6.496.138.947	18.805.978.645
Nguyên giá	7.987.008.519	8.687.008.519	21.687.008.519
Giá trị hao mòn lũy kế	-1.621.856.231	-2.190.869.572	-2.881.029.874

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC quý 4 năm 2025 riêng và hợp nhất tự lập của NAG

2.1.3. Mức lương bình quân

Người lao động tại NAG được đảm bảo thu nhập và các quyền lợi xứng đáng với giá trị mà mình mang lại. Với các chính sách rõ ràng và minh bạch, Công ty mang đến cho người lao động những giá trị vật chất và tinh thần mà họ xứng đáng được hưởng. NAG cam kết bảo đảm các chính sách, quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người lao động cũng như nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Mức lương bình quân của người lao động năm 2023 là **15.045.000 đồng/tháng**, năm 2024 là **16.560.000 đồng/tháng**, năm 2025 là **18.250.000 đồng/tháng**.

Do Công ty không có số liệu về mức lương của người lao động tại các doanh nghiệp khác trong ngành nên không thể so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành.

2.1.4. Tình hình công nợ

➤ Tình hình các khoản phải thu

Tình hình số dư các khoản phải thu của NAG tại các thời điểm như sau:

Các khoản phải thu tại các thời điểm

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
A. CÔNG TY MẸ			
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	515.823.984.867	580.398.812.608	795.510.916.068
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	490.399.046.089	515.404.540.460	686.159.171.425
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	12.278.604.405	32.512.000.329	89.374.631.564
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7.598.100.000	22.996.000.000	10.813.960.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	8.648.887.810	12.586.925.256	12.255.191.316
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-3.100.653.437	-3.100.653.437	-3.092.038.237
II. Các khoản phải thu dài hạn	836.190.820	890.821.420	890.821.420
Phải thu dài hạn khác	836.190.820	890.821.420	890.821.420
Tổng cộng	516.660.175.687	581.289.634.028	796.401.737.488
B. HỢP NHẤT			
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	419.056.123.819	486.437.626.352	650.404.624.407
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	384.435.061.207	410.181.287.521	522.607.565.312
Trả trước cho người bán ngắn hạn	13.547.258.566	32.794.597.855	90.139.772.085
Phải thu về cho vay ngắn hạn	20.600.000.000	35.096.000.000	28.702.947.000
Phải thu ngắn hạn khác	5.151.625.759	13.059.730.141	12.920.191.316
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-4.677.821.713	-4.693.989.165	-3.965.851.306
II. Các khoản phải thu dài hạn	2.281.160.820	2.167.151.526	2.280.487.818
Phải thu dài hạn khác	2.281.160.820	2.167.151.526	2.280.487.818
Tổng cộng	421.337.284.639	488.604.777.878	652.685.112.225

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC quý 4 năm 2025 riêng và hợp nhất tự lập của NAG

❖ Các khoản nợ xấu và tình hình trích lập dự phòng nợ phải thu:

Theo Phụ lục số 01 của Thuyết minh BCTC hợp nhất quý 4 năm 2025 tự lập của Nagakawa, Công ty đang có các khoản nợ xấu tại thời điểm 31/12/2025 với tổng giá trị là **3.965.851.306 đồng**, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày 31/12/2025 với giá trị là **3.965.851.306 đồng**, cụ thể như sau:

- Tổng giá trị khoản phải thu quá hạn: **3.965.851.306 đồng**
- Thời gian quá hạn: Công ty có nhiều khoản phải thu có thời gian quá hạn từ 1 đến trên 3 năm và một số khoản phải thu khó có khả năng thu hồi.
- Nguyên nhân phát sinh: Bên nợ đã ngừng kinh doanh hoặc thay đổi chủ sở hữu mới và không chấp nhận thanh toán.
- Khả năng thu hồi: Giá trị có thể thu hồi được tính bằng giá gốc trừ đi giá trích lập dự phòng. Cụ thể:
 - + Giá trị khoản phải thu: **3.965.851.306 đồng**
 - + Giá trị trích lập dự phòng: **3.965.851.306 đồng**
 - + Giá trị có thể thu hồi được: **0 đồng**
- Biện pháp xử lý: Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 và đơn đốc thu hồi công nợ các khoản phải thu này.

❖ Doanh thu và các khoản phải thu phát sinh đối với các Công ty con:

Theo Báo cáo tài chính tổng hợp quý 4 năm 2025 tự lập của Công ty, tại Thuyết minh số V-3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng và Thuyết minh số VI-1, Công ty phát sinh doanh thu và khoản phải thu đối với các công ty con. Cụ thể như sau:

Tên Công ty	Năm thành lập	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ sở hữu của NAG	Doanh thu (đồng)	Phải thu ngắn hạn của khách hàng (đồng)
1. Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	2009	12.000.000.000	80%	3.179.193.821	46.935.678.081
2. CTCP Điện tử Nagakawa	2017	20.000.000.000	51%	47.437.321.280	87.001.294.965

Tên Công ty	Năm thành lập	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ sở hữu của NAG	Doanh thu (đồng)	Phải thu ngắn hạn của khách hàng (đồng)
3. CTCP Nagakawa Đà Nẵng	2016	5.000.000.000	52%	11.177.066.000	39.827.719.541
4. CTCP Nagakawa TP Hồ Chí Minh	2016	9.700.000.000	51%	143.724.493.831	169.410.922.479
5. CTCP Việt Phúc Hưng Yên	2021	100.000.000.000	96,92%	234.947.135.660	145.672.238
6. CTCP Công nghệ cao Nagakawa	2023	2.000.000.000	55%	314.160.000	56.494.800

Hiện nay, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa, CTCP Điện tử Nagakawa, CTCP Nagakawa Đà Nẵng, CTCP Nagakawa TP Hồ Chí Minh và CTCP Việt Phúc Hưng Yên hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại (bán buôn, bán lẻ các thiết bị, linh kiện điện tử, điều hòa, đồ gia dụng). 5 công ty con này đều nhập hàng trực tiếp từ Công ty CP Tập đoàn Nagakawa và phân phối cho các Nhà phân phối/ đại lý ở khu vực miền Nam, miền Trung và phân phối cho kênh Dự án. Công ty CP Tập đoàn Nagakawa cho các công ty con nợ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận hàng và sau thời hạn trên các công ty con phải trả phí trả chậm cho Công ty. Vì vậy, các công ty này không cần lượng vốn lớn để nhập hàng, từ đó dẫn đến việc vốn điều lệ khá nhỏ so với doanh thu; đồng thời, số dư các khoản phải thu cuối năm cao và cũng lớn hơn nhiều so với vốn điều lệ công ty con. Đây là đặc thù kinh doanh giữa Nagakawa và các công ty con trong suốt những năm qua.

Trong những năm vừa qua, hoạt động kinh doanh của các công ty con vẫn duy trì liên tục và hiệu quả, các chỉ tiêu kinh doanh ổn định, luôn có doanh thu, lợi nhuận cũng như nộp thuế đầy đủ. Ngoài ra, các đơn vị này duy trì khả năng thanh toán tốt, luôn thanh toán đầy đủ cho Nagakawa.

➤ Tình hình các khoản phải trả

Tình hình số dư các khoản phải trả của NAG như sau:

Các khoản phải trả tại các thời điểm

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
A. CÔNG TY MẸ			

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
I. Nợ ngắn hạn	1.141.838.409.687	1.327.136.884.726	1.720.630.360.053
1. Phải trả người bán ngắn hạn	130.744.294.715	147.902.947.738	166.884.876.765
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	27.731.160.583	8.841.215.581	11.181.331.004
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16.437.822.378	21.544.739.184	19.813.546.407
4. Phải trả người lao động	2.441.875.409	1.821.652.013	1.855.499.134
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	3.040.185.790	4.997.482.640	2.815.718.695
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	1.362.800.194	1.582.048.209	2.351.670.338
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	956.414.301.974	1.135.906.992.519	1.510.764.440.702
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.859.969.655	3.335.149.789	3.758.619.955
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	805.998.989	1.204.657.053	1.204.657.053
II. Nợ dài hạn	0	0	0
1. Phải trả dài hạn khác	0	0	
Tổng cộng	1.141.838.409.687	1.327.136.884.726	1.720.630.360.053
B. HỢP NHẤT			
I. Nợ ngắn hạn	1.187.854.744.156	1.374.609.613.734	1.746.461.470.792
1. Phải trả người bán ngắn hạn	136.596.419.806	182.004.186.374	167.083.082.956
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	37.362.995.977	14.778.405.623	29.466.016.162
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18.472.544.763	22.949.340.668	21.813.474.863
4. Phải trả người lao động	4.676.334.939	4.284.315.817	4.788.042.985

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	3.284.778.959	5.188.714.834	3.175.388.799
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	2.610.642.825	2.902.233.669	2.982.592.278
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	980.284.289.358	1.137.306.992.519	1.510.764.440.702
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.661.552.972	3.891.581.609	5.084.589.426
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	905.184.557	1.303.842.621	1.303.842.621
II. Nợ dài hạn	1.495.338.594	1.491.457.252	2.425.600.903
1. Phải trả dài hạn khác	0	0	839.540.050
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.495.338.594	1.491.457.252	1.586.060.853
Tổng cộng	1.189.350.082.750	1.376.101.070.986	1.748.887.071.695

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC quý 4 năm 2025 riêng và hợp nhất tự lập của NAG

2.1.5. Tình hình dư nợ vay

Tình hình số dư các khoản vay của NAG tại các thời điểm như sau:

Số dư các khoản vay tại các thời điểm

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
A. CÔNG TY MẸ			
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	956.414.301.974	1.135.906.992.519	1.510.764.440.702
1.1 Vay ngắn hạn ngân hàng	950.412.301.974	1.135.906.992.519	1.510.764.440.702
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An	387.313.009.352	385.276.762.665	388.421.153.474

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ	79.739.506.428	79.963.217.714	79.352.852.736
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	382.088.494.422	306.424.549.728	377.488.368.093
Ngân hàng TMCP Tiên phong - CN Hoàn Kiếm	17.656.192.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	33.745.501.839	-	-
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	187.337.034.666	183.814.842.956
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa	49.869.597.933	76.988.376.825	14.259.047.813
Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam	-	99.917.050.921	139.506.915.415
Ngân hàng Woori Bank Việt Nam	-	-	77.925.065.881
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Thịnh	-	-	249.996.194.334
1.2 Vay ngắn hạn bên liên quan	6.002.000.000	-	-
CTCP May KLW Việt Nam	6.002.000.000	-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	956.414.301.974	1.135.906.992.519	1.510.764.440.702
B. HỢP NHẤT			
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	980.284.289.358	1.137.306.992.519	1.510.764.440.702
1.1 Vay ngắn hạn ngân hàng	971.702.589.358	1.135.906.992.519	1.510.764.440.702

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An	387.313.009.352	385.276.762.665	388.421.153.474
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ	79.739.506.428	79.963.217.714	79.352.852.736
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	382.088.494.422	306.424.549.728	377.488.368.093
Ngân hàng TMCP Tiên phong - CN Thăng Long	17.656.192.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	33.745.501.839	-	-
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	187.337.034.666	183.814.842.956
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa	49.869.597.933	76.988.376.825	14.259.047.813
Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam	-	99.917.050.921	139.506.915.415
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Đà Nẵng	7.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	14.290.287.384	-	-
Ngân hàng Woori Bank Việt Nam	-	-	77.925.065.881
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Thịnh	-	-	249.996.194.334
1.2 Vay ngắn hạn bên liên quan	6.002.000.000	-	-
CTCP May KLW Việt Nam	6.002.000.000	-	-
1.3 Vay ngắn hạn các cá nhân	2.579.700.000	1.400.000.000	-
Bà Bùi Lệ Hằng	2.579.700.000	1.400.000.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
Tổng cộng	980.284.289.358	1.137.306.992.519	1.510.764.440.702

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC quý 4 năm 2025 riêng và hợp nhất đã được soát xét của NAG

2.1.6. Tình hình thanh toán các khoản nợ

Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa cam kết đã thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ theo quy định tại các hợp đồng/cam kết và không có nợ quá hạn.

Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa cam kết rằng Công ty mẹ và các công ty con của Nagakawa không vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng và các cam kết.

2.1.7. Tình hình các khoản phải nộp theo luật định

Tình hình các khoản phải nộp theo luật định của Nagakawa tại các thời điểm như sau:

Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
A. CÔNG TY MẸ			
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.718.116.395	10.677.395.410	8.943.917.606
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.640.800.058	2.184.768.123	79.274.987
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.580.874.452	1.658.361.125	1.133.871.948
4. Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.283.753.121	6.505.926.601	9.117.992.741
6. Thuế thu nhập cá nhân	860.887.522	164.897.095	114.321.139
7. Tiền thuê đất	-	-	424.167.986
8. Các loại thuế khác	353.390.830	353.390.830	-
Tổng cộng	16.437.822.378	21.544.739.184	19.813.546.407
B. HỢP NHẤT			
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.452.150.622	13.344.078.758	9.378.355.602
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.580.874.452	1.658.361.125	1.133.871.948

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
4. Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.955.489.656	7.255.300.391	10.584.802.760
6. Thuế thu nhập cá nhân	1.052.970.479	324.542.897	278.609.900
7. Tiền thuê đất	-	-	424.167.986
8. Các loại thuế khác	431.059.554	367.057.497	13.666.667
Tổng cộng	18.472.544.763	22.949.340.668	21.813.474.863

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC quý 4 năm 2025 riêng và hợp nhất tự lập của NAG

2.1.8. Tình hình trích lập các quỹ

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Công ty trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Tình hình trích lập các quỹ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
A. CÔNG TY MẸ			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	805.998.989	1.204.657.053	1.204.657.053
2. Quỹ đầu tư phát triển	8.292.554.359	9.550.061.788	10.897.270.675
Tổng cộng	9.098.553.348	10.754.718.841	12.101.927.728
B. HỢP NHẤT			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	905.184.557	1.303.842.621	1.303.842.621
2. Quỹ đầu tư phát triển	8.570.273.947	9.827.781.376	11.174.990.263
Tổng cộng	9.475.458.504	11.131.623.997	12.478.832.884

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC quý 4 năm 2025 riêng và hợp nhất tự lập của NAG

2.1.9. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất.

Tình hình tài chính của CTCP Tập đoàn Nagakawa có thể chịu ảnh hưởng bởi một số biến động lớn cả từ bên ngoài lẫn nội tại doanh nghiệp. Trước hết, biến động giá nguyên vật liệu, chi phí vận chuyển và linh kiện nhập khẩu có thể làm tăng giá vốn, gây áp lực lên biên lợi nhuận.

Đồng thời, xu hướng lãi suất và tỷ giá trên thị trường tài chính sẽ tác động trực tiếp đến chi phí vay nợ và nghĩa vụ thanh toán, đặc biệt khi cơ cấu nợ của doanh nghiệp chủ yếu là ngắn hạn. Ngoài ra, rủi ro tồn kho lớn, thay đổi thị hiếu tiêu dùng và sức ép cạnh tranh gay gắt trong ngành điện lạnh, gia dụng và thiết bị nhà bếp cũng có thể ảnh hưởng đến dòng tiền và doanh thu. Bên cạnh đó, các chính sách mới về tiêu chuẩn năng lượng, tính thân thiện môi trường và yêu cầu về sản phẩm tiết kiệm điện có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ nhưng cũng mở ra cơ hội nếu doanh nghiệp kịp thời thích ứng. Cuối cùng, những yếu tố bất định của kinh tế vĩ mô và chuỗi cung ứng toàn cầu có thể tác động tới kế hoạch sản xuất – kinh doanh, đòi hỏi Nagakawa phải có chiến lược quản trị rủi ro linh hoạt và dự phòng nguồn lực tài chính để duy trì hoạt động ổn định.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2023, 2024 và 2025

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
A. CÔNG TY MẸ				
1. Khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,16	1,16	1,12
<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>				
- Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,65	0,72	0,74
<i>(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>				
2. Cơ cấu vốn				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,74	0,76	0,78
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,86	3,12	3,61
3. Năng lực hoạt động				
- Vòng quay tổng tài sản:	Lần	1,42	1,61	1,65
<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>				
- Vòng quay vốn lưu động:	Lần	1,66	1,85	1,88
<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>				
- Vòng quay hàng tồn kho:	Lần	3,24	4,20	4,94
<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>				
4. Khả năng sinh lời				

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS):	%	1,75%	0,99%	1,11%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,48%	1,59%	1,84%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE):	%	9,21%	6,34%	8,04%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân				
B. HỢP NHẤT				
1. Khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,19	1,19	1,15
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn				
- Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,57	0,65	0,66
(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn				
2. Cơ cấu vốn				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,75	0,76	0,79
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,96	3,21	3,66
3. Năng lực hoạt động				
- Vòng quay tổng tài sản:	Lần	1,38	1,61	1,64
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân				
- Vòng quay vốn lưu động:	Lần	1,55	1,79	1,82
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân				
- Vòng quay hàng tồn kho:	Lần	2,55	3,29	3,74
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân				
4. Khả năng sinh lời				
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS):	%	1,19%	0,99%	0,99%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài	%	1,64%	1,59%	1,63%

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
<i>sản bình quân</i>				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE):	%	6,32%	6,49%	7,23%
<i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>				
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VND	795	788	849

Nguồn: Số liệu tính toán từ BCTC riêng và hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC quý 4 năm 2025 riêng và hợp nhất tự lập của NAG

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

3.1. Đối với BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán

Ý kiến của tổ chức kiểm toán - Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt tại Báo cáo Kiểm toán Độc lập số 0107.01.05/2023/BCTC-NTV2 ngày 29/03/2024 như sau:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tại thời điểm ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp”.

3.2. Đối với BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán

Ý kiến của tổ chức kiểm toán - Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt tại Báo cáo Kiểm toán Độc lập số 0107.01.06/2023/BCTC-NTV2 ngày 29/03/2024 như sau:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tại thời điểm ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.”

3.3. Đối với BCTC riêng năm 2024 đã được kiểm toán

Ý kiến của tổ chức kiểm toán - Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt tại Báo cáo Kiểm toán Độc lập số 0107.01.05/2024/BCTC-NTV2 ngày 26/03/2025 như sau:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tại thời điểm ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu

chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp”.

3.4. Đối với BCTC hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán

Ý kiến của tổ chức kiểm toán - Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt tại Báo cáo Kiểm toán Độc lập số 0107.01.06/2024/BCTC-NTV2 ngày 26/03/2025, cụ thể:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tại thời điểm ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất”.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2025

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/03/2025, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công ty như sau:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2025 của NAG

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2024	Năm 2025	
			Kế hoạch	% tăng/giảm so với 2024
1	Doanh thu thuần	2.723.254.612.787	2.940.000.000.000	7,96%
2	Lợi nhuận sau thuế	26.944.177.745	35.000.000.000	29,90%
3	Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần	0,99%	1,19%	20,27%
4	Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	6,53%	7,76%	18,76%
5	Tỷ lệ cổ tức	8%	Từ 05% - 10%	

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ đã được thông qua ngày 28/03/2025

4.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Bước sang năm 2025, Nagakawa tiếp tục đặt mục tiêu tăng trưởng bền vững dựa trên những nền tảng vững chắc đã được khẳng định trong hơn 23 năm hình thành và phát triển. Thương

hiệu Nagakawa hiện đã trở thành một trong những thương hiệu điện máy – gia dụng uy tín, được người tiêu dùng tin tưởng lựa chọn. Hệ thống quản trị của Công ty tiếp tục được số hóa và tối ưu đồng bộ, từ quản trị sản xuất, quản trị nhân sự đến quản trị phân phối và dịch vụ hậu mãi. Ngoài ra, quan hệ hợp tác chiến lược, ổn định với nhiều nhà cung cấp, khách hàng và đối tác trong và ngoài nước giúp Công ty duy trì lợi thế cạnh tranh.

Song song với đó, Nagakawa tăng cường đầu tư vào công tác nghiên cứu thị trường và dự báo xu hướng tiêu dùng. Trong bối cảnh thu nhập bình quân của người dân tiếp tục tăng, nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm có chất lượng cao, tiết kiệm năng lượng và thân thiện môi trường ngày càng rõ nét. Đây là cơ hội thuận lợi để Công ty đẩy mạnh phát triển danh mục sản phẩm và gia tăng thị phần.

Để hiện thực hóa kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2025, Công ty triển khai các chiến lược trọng tâm sau:

- **Mở rộng và số hóa hệ thống phân phối:** Ngoài việc duy trì mạng lưới 4.000 điểm bán truyền thống, Công ty đặt mục tiêu nâng cấp hệ thống quản lý kênh phân phối theo hướng ứng dụng công nghệ số, tích hợp dữ liệu CRM nhằm tối ưu hóa hiệu quả bán hàng. Đồng thời, mở rộng hợp tác với các sàn thương mại điện tử lớn như Shopee, Lazada, Tiki, TikTok Shop để khai thác tiềm năng bán hàng trực tuyến.
- **Gia tăng độ phủ tại hệ thống siêu thị điện máy và trung tâm thương mại:** Nagakawa tiếp tục củng cố hợp tác với các chuỗi siêu thị lớn như Điện Máy Xanh, HC, Pico, Mediamart, Lottemart, đồng thời phát triển thêm các kênh mới như Aeon Mall, Mega Market và các siêu thị khu vực. Mục tiêu năm 2025 của Công ty là đưa toàn bộ ngành hàng gia dụng, thiết bị nhà bếp và điều hòa đến trên 3.500 điểm bán thuộc hệ thống Điện Máy Xanh trên toàn quốc.
- **Đa dạng hóa và nâng cao giá trị sản phẩm:** Tập trung phát triển các dòng sản phẩm tiết kiệm điện, công nghệ inverter, sản phẩm thông minh tích hợp IoT, đồng thời ra mắt các mẫu mã mới trong ngành hàng gia dụng và thiết bị nhà bếp để đáp ứng xu hướng tiêu dùng hiện đại.
- **Đẩy mạnh hoạt động marketing và chăm sóc khách hàng:** Tăng cường truyền thông đa kênh, xây dựng các chiến dịch marketing gắn liền với thông điệp thương hiệu “Nagakawa – Tin cậy cho mọi gia đình Việt”. Đồng thời, Công ty tiếp tục tăng cường mở rộng các trung tâm bảo hành và dịch vụ hậu mãi, đảm bảo trải nghiệm khách hàng tốt nhất và nâng cao tỷ lệ khách hàng quay lại.

Với các căn cứ và giải pháp chiến lược trên, Công ty kỳ vọng năm 2025 sẽ tiếp tục đạt mức tăng trưởng doanh thu ổn định, lợi nhuận bền vững và duy trì chính sách cổ tức hấp dẫn cho cổ đông.

❖ **Tình hình thực hiện kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025:**

Trên thực tế, căn cứ Báo cáo tài chính quý 4 năm 2025 hợp nhất tự lập của CTCP Tập đoàn

Nagakawa, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của NAG như sau:

Tình hình thực hiện kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2025 của NAG

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2025	Năm 2025	
			Thực hiện	% Thực hiện/Kế hoạch
1	Doanh thu thuần	2.940.000.000.000	3.299.285.108.986	112,22%
2	Lợi nhuận sau thuế	35.000.000.000	32.782.165.951	93,66%
3	Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần	1,19%	0,99%	-0,2%
4	Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	7,76%	7,23%	-0,53%
5	Tỷ lệ cổ tức	Từ 05% - 10%	-	-

Nguồn: BCTC quý 4 năm 2025 hợp nhất tự lập của NAG và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ đã được thông qua ngày 28/03/2025

4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Nagakawa

Dựa trên kết quả kinh doanh của Nagakawa qua các năm 2023 và 2024 và kết quả kinh doanh lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV năm 2025 (doanh thu thuần là 3.299.285.108.986 đồng, đạt 112,22% kế hoạch cả năm 2025; lợi nhuận sau thuế là 32.782.165.951 đồng, đạt 93,66% kế hoạch năm 2025) cũng như căn cứ vào bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động trong năm 2025, BVSC đánh giá NAG đã thực hiện khá tốt kết quả kinh doanh được xây dựng cho năm 2025.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Hiện tại, Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa không có cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phần NAG.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Ông Nguyễn Đức Khả

1) Tên	Nguyễn Đức Khả					
2) Ngày sinh	02/12/1959					
3) Quốc tịch	Việt Nam					
4) Số lượng và tỷ lệ cổ phần của cổ đông lớn (CĐL) và người có liên quan:						
Tên	Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ			Số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết		
	Tại thời điểm trở thành CĐL	Tại thời điểm 15/12/2025	Dự kiến sau đợt chào bán	Tại thời điểm trở thành CĐL	Tại thời điểm 15/12/2025	Dự kiến sau đợt chào bán
Ông Nguyễn Đức Khả	3.467.000 cổ phiếu (34,67%)	13.931.309 cổ phiếu (36,07%)	20.896.963 cổ phiếu (36,07%)	3.467.000 cổ phiếu (34,67%)	13.931.309 cổ phiếu (36,07%)	20.896.963 cổ phiếu (36,07%)
Người có liên quan của Ông Nguyễn Đức Khả:						
Nguyễn Thị Huyền Thương (Con ruột ông Nguyễn Đức Khả)	2.785.136 cổ phiếu (7,21%)	2.785.136 cổ phiếu (7,21%)	4.177.704 cổ phiếu (7,21%)	2.785.136 cổ phiếu (7,21%)	2.785.136 cổ phiếu (7,21%)	4.177.704 cổ phiếu (7,21%)
Đào Thị Soi (Vợ ông Nguyễn Đức Khả)	0 cổ phiếu (0%)	0 cổ phiếu (0%)	0 cổ phiếu (0%)	0 cổ phiếu (0%)	0 cổ phiếu (0%)	0 cổ phiếu (0%)
Nguyễn Đức Anh Vũ (Con ruột ông Nguyễn Đức Khả)	0 cổ phiếu (0%)	0 cổ phiếu (0%)	0 cổ phiếu (0%)	0 cổ phiếu (0%)	0 cổ phiếu (0%)	0 cổ phiếu (0%)
5) Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:						
	2024			2025		
5.1. Thù lao, tiền lương	- Tiền lương: 0 đồng - Thù lao: 0 đồng			- Tiền lương: 0 đồng - Thù lao: 0 đồng		
5.2. Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))	Không có			Không có		
5.3. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện:						
- Tổ chức phát hành	Năm 2023:					

	1) Hợp đồng nguyên tắc số 02012023/HĐNT/NAG-AV ký ngày 02/01/2023 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagkawa và Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ – Giá trị: 654.577.074.635 đồng. <i>(Tại thời điểm phát sinh giao dịch: Ông Nguyễn Đức Khả là thành viên HĐQT của AVC với giá trị góp vốn: 27 tỷ đồng, tỷ lệ sở hữu: 90% tại AVC. Đồng thời, AVC là cổ đông lớn của NAG, nắm giữ 3.216.796 cổ phiếu NAG, tương ứng với tỷ lệ sở hữu: 10,16% tại NAG)</i> <u>Năm 2024:</u> 1) Hợp đồng nguyên tắc số 02012024/HĐNT/NAG-AV ký ngày 02/01/2024 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagkawa và Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ – Giá trị: 489.648.461.974 đồng. <i>(Tại thời điểm phát sinh giao dịch: Ông Nguyễn Đức Khả là thành viên HĐQT của AVC với giá trị góp vốn: 27 tỷ đồng, tỷ lệ sở hữu: 90% tại AVC. Đồng thời, AVC là cổ đông lớn của NAG, nắm giữ 3.216.796 cổ phiếu NAG, tương ứng với tỷ lệ sở hữu: 10,16% tại NAG.</i> <i>Tuy nhiên, tại ngày 04/04/2024, AVC đã bán toàn bộ vốn góp tại NAG và không còn nắm giữ cổ phiếu NAG.)</i> <u>Năm 2025:</u> 1) Hợp đồng nguyên tắc số 02012025/HĐNT/NAG-AV ký ngày 02/01/2025 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagkawa và Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ – Giá trị: 35.580.467.600 đồng. <i>(Tại thời điểm phát sinh giao dịch: Ông Nguyễn Đức Khả là thành viên HĐQT của AVC với giá trị góp vốn: 27 tỷ đồng, tỷ lệ sở hữu: 90% tại AVC. Tuy nhiên, đến ngày 27/05/2025, ông Khả đã thoái toàn bộ vốn góp tại AVC và không còn nắm giữ chức vụ nào tại AVC)</i>			
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có			
6) Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:				
Stt	Tên doanh nghiệp	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ liên quan	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Công ty TNHH Phát	Thương mại dịch vụ	- AVC là khách hàng lớn của NAG.	Các Hợp đồng kinh tế giữa 2 bên phải được HĐQT,

triển kinh tế quốc tế Anh Vũ ("AVC")	- AVC là cổ đông lớn của NAG, nắm giữ 3.216.796 cổ phiếu NAG, tương ứng với tỷ lệ 10,165%. Tại ngày 04/04/2024, AVC đã bán toàn bộ vốn góp tại NAG và không còn nắm giữ cổ phiếu NAG. - Ông Nguyễn Đức Khả là thành viên HĐQT với giá trị góp vốn: 27 tỷ đồng, tỷ lệ sở hữu: 90% tại AVC. Ngày 27/05/2025, Ông Nguyễn Đức Khả đã thoái toàn bộ vốn góp tại AVC và không còn giữ bất kỳ chức vụ nào tại AVC. - Bà Đào Thị Soi (Vợ) là Thành viên HĐQT với giá trị góp vốn: 3 tỷ đồng, tỷ lệ sở hữu: 10% tại AVC; Hiện giữ chức vụ Phó Giám đốc của AVC.	ĐHĐCĐ chấp thuận, tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp về giao dịch với các bên liên quan.
--------------------------------------	--	---

2.2. Bà Nguyễn Thị Huyền Thương

1) Tên	Nguyễn Thị Huyền Thương					
2) Ngày sinh	13/10/1983					
3) Quốc tịch	Việt Nam					
4) Số lượng và tỷ lệ cổ phần của cổ đông lớn (CDL) và người có liên quan:						
Tên	Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ			Số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết		
	Tại thời điểm trở thành CDL	Tại thời điểm 15/12/2025	Dự kiến sau đợt chào bán	Tại thời điểm trở thành CDL	Tại thời điểm 15/12/2025	Dự kiến sau đợt chào bán
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	2.785.136 cổ phiếu (7,21%)	2.785.136 cổ phiếu (7,21%)	4.177.704 cổ phiếu (7,21%)	2.785.136 cổ phiếu (7,21%)	2.785.136 cổ phiếu (7,21%)	4.177.704 cổ phiếu (7,21%)
Người có liên quan của Bà Nguyễn Thị Huyền Thương:						
Ông Nguyễn Đức Khả (Bố ruột bà Nguyễn Thị Huyền Thương)	3.467.000 cổ phiếu (34,67%)	13.931.309 cổ phiếu (36,07%)	20.896.963 cổ phiếu (36,07%)	3.467.000 cổ phiếu (34,67%)	13.931.309 cổ phiếu (36,07%)	20.896.963 cổ phiếu (36,07%)
5) Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:						

	2024	2025
5.1. Thù lao, tiền lương	- Tiền lương: 829.370.000 đồng - Thù lao: 176.000.000 đồng	- Tiền lương: 805.871.583 đồng - Thù lao: 176.000.000 đồng
5.2. Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))	Không có	Không có
5.3. Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
6) Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có		

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm Soát viên, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Danh sách thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
I	Thành viên Hội đồng quản trị	
1	Ông Nguyễn Ngọc Quý	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó chủ tịch HĐQT
3	Bà Trương Đào Hải Hà	Thành viên HĐQT
4	Ông Đoàn Đức Hòa	Thành viên HĐQT độc lập
5	Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
II	Thành viên Ban Kiểm soát	
1	Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Phạm Thị Huệ Anh	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Vũ Hải Yến	Thành viên Ban Kiểm soát
III	Thành viên Ban Điều hành	

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Tổng Giám đốc
2	Bà Huy Thị Dung	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Phó Tổng Giám đốc
IV	Kế toán trưởng	
1	Bà Trịnh Thị Phượng	Kế toán Trưởng

Nguồn: NAG

3.1. Thành viên Hội đồng quản trị

3.1.1. Ông Nguyễn Ngọc Quý – Chủ tịch HĐQT

1. Tên:	Nguyễn Ngọc Quý	
2. Ngày sinh:	22/02/1978	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	Cử nhân	
5. Năng lực chuyên môn:	Công nghệ thông tin	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2017 – 02/2022	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Thành viên HĐQT
Từ 02/2022 - nay	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Chủ tịch HĐQT
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2013 – 2019	CTCP Đầu tư và Phát triển kỹ thuật	Phó Giám đốc
Từ 2019 - 2020	CTCP Nagakawa TP Hồ Chí Minh	Phó Giám đốc
Từ 2021 - nay	Công ty cổ phần Việt Phúc Hưng Yên	Giám đốc
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:		
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
- Ông Nguyễn Ngọc Quý	29.495 cổ phần	0,07%
- Người đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần	0%
- Những người có liên quan	1.323 cổ phần	0,003%
9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:		

STT	Họ và Tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại TCPH	Số lượng cổ phần tại TCPH	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Nam Cao	Em	Không	1.323 cổ phần	0,003%
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:					
			2024	2025	
10.1 Thù lao, tiền lương			- Tiền lương: 227.445.852 đồng - Thù lao HĐQT: 212.000.000 đồng	- Tiền lương: 320.485.333 đồng Thù lao HĐQT: 212.000.000 đồng	
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...)			Không có	Không có	
10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện:					
- Tổ chức phát hành			Không có		
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%			Không có		
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có					
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:					
Ông Nguyễn Ngọc Quý đang nhận lương Giám đốc tại Công ty cổ phần Việt Phúc Hưng Yên; thù lao Chủ tịch HĐQT tại CTCP Tập đoàn Nagakawa.					
Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các Hợp đồng, giao dịch giữa NAG và Ông Nguyễn Ngọc Quý/ Công ty cổ phần Việt Phúc Hưng Yên phải được ĐHĐCĐ/HĐQT chấp thuận, tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp về giao dịch giữa Công ty với người có liên quan.					

3.1.2. Bà Nguyễn Thị Huyền Thương - Phó Chủ tịch HĐQT

1. Tên:	Nguyễn Thị Huyền Thương	
2. Ngày sinh:	13/10/1983	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	Thạc sỹ	
5. Năng lực chuyên môn:	Quản trị kinh doanh	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2004 - 2006	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Trưởng phòng Hành chính nhân sự
Từ 2006 - 2008	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Phó phòng Xuất nhập khẩu

Từ 2008 - 2010	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Trưởng phòng Xuất nhập khẩu			
Từ 2010 - 2020	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc			
Từ 2020 - nay	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc			
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác: Không có					
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:					
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu			
- Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	2.785.136 cổ phần	7,21%			
- Người đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần	0%			
- Những người có liên quan	13.931.309 cổ phần	36,07%			
9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:					
STT	Họ và Tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại TCPH	Số lượng cổ phần tại TCPH	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Đức Khả	Bố	Không	13.931.309 cổ phần	36,07%
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:					
		2024	2025		
10.1 Thù lao, tiền lương		- Tiền lương: 829.370.000 đồng - Thù lao HĐQT: 176.000.000 đồng	- Tiền lương: 805.871.583 đồng - Thù lao: 176.000.000 đồng		
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))		Không có	Không có		
10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện:					
- Tổ chức phát hành	Không có				
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có				
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có					

12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

3.1.3. Bà Trương Đào Hải Hà - Thành viên HĐQT

1. Tên:	Trương Đào Hải Hà				
2. Ngày sinh:	12/10/1981				
3. Quốc tịch:	Việt Nam				
4. Trình độ học vấn:	Thạc sỹ				
5. Năng lực chuyên môn:	Thạc sỹ ngành Kế toán				
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:					
Thời gian	Đơn vị công tác			Chức vụ	
Từ 2013 - 2015	CTCP Tập đoàn Nagakawa			Nhân viên kế toán	
Từ 2015 - nay	CTCP Tập đoàn Nagakawa			Thành viên HĐQT	
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:					
Thời gian	Đơn vị công tác			Chức vụ	
Từ 2015 - nay	Công ty cổ phần May KLV Việt Nam			Kế toán trưởng	
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:					
	Số lượng cổ phần sở hữu		Tỷ lệ sở hữu		
- Bà Trương Đào Hải Hà	0 cổ phần		0%		
- Người đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần		0%		
- Những người có liên quan	6.886 cổ phần		0,02%		
9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:					
STT	Họ và Tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại TCPH	Số lượng cổ phần tại TCPH	Tỷ lệ sở hữu
1	Đào Gia Dũng	Chồng	Không	6.886 cổ phần	0,02%
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:					
	2024		2025		
10.1 Thù lao, tiền lương	- Thù lao HĐQT: 106.000.000 đồng		- Thù lao HĐQT: 106.000.000 đồng		
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho	Không có		Không có		

người lao động (số lượng, giá)...)		
10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện:		
- Tổ chức phát hành		Không có
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%		Không có
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có		
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có		

3.1.4. Ông Đoàn Đức Hòa - Thành viên HĐQT độc lập

1. Tên:	Đoàn Đức Hòa				
2. Ngày sinh:	09/11/1978				
3. Quốc tịch:	Việt Nam				
4. Trình độ học vấn:	Thạc sỹ				
5. Năng lực chuyên môn:	Thạc sỹ Quản lý đô thị, Kỹ sư xây dựng				
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:					
Thời gian	Đơn vị công tác			Chức vụ	
Từ 02/2022 - nay	CTCP Tập đoàn Nagakawa			Thành viên HĐQT độc lập	
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:					
Thời gian	Đơn vị công tác			Chức vụ	
Từ 2004 - 2014	CTCP Đầu tư và Xây dựng số 4			Chuyên viên	
Từ 2014 -2019	CTCP Xây dựng An Thịnh Tiến			Giám đốc	
Từ 2019 - nay	Tập đoàn Alphanam – Ban QLDA Mường Hoa Sapa			Phó ban Quản lý dự án	
Từ 2019 - nay	Công Ty TNHH Xây Dựng Hạ Tầng Và Cảnh Quan Fanxipăng			Tổng Giám đốc	
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:					
			Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	
- Ông Đoàn Đức Hòa			0 cổ phần	0%	
- Người đại diện theo ủy quyền			0 cổ phần	0%	
- Những người có liên quan			1.351 cổ phần	0,003%	
9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:					
STT	Họ và Tên	Mối quan hệ	Chức vụ tại	Số lượng cổ	Tỷ lệ sở hữu

			TCPH	phần tại TCPH	
1	Đặng Thị Lan Phương	Vợ	Không	1.351 cổ phần	0,003%
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:					
			2024	2025	
10.1 Thù lao, tiền lương			- Thù lao HĐQT: 106.000.000 đồng	- Thù lao HĐQT: 106.000.000 đồng	
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...)			Không có	Không có	
10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện:					
- Tổ chức phát hành			Không có		
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%			Không có		
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có					
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có					

3.1.5. Ông Phạm Anh Tuấn - Thành viên HĐQT

1. Tên:	Phạm Anh Tuấn	
2. Ngày sinh:	27/05/1977	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	Cử nhân	
5. Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Tiếng Trung	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Năm 2012	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Trưởng phòng Xuất – nhập khẩu
Từ 02/2022 - nay	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Thành viên HĐQT
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2013 -2015	CTCP May KLV Việt Nam	Trưởng phòng Hành chính nhân sự và Xuất – nhập khẩu
Từ 2016 -2022	CTCP May KLV Việt Nam	Trưởng phòng sản xuất
Từ 2022 - nay	Nhà máy Nagakawa Hưng Yên	Giám đốc

8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:		
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
- Ông Phạm Anh Tuấn	0 cổ phần	0,00%
- Người đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần	0,00%
- Những người có liên quan	0 cổ phần	0,00%
9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:	Không có	
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:		
	2024	2025
10.1 Thù lao, tiền lương	- Thù lao HĐQT: 106.000.000 đồng	- Thù lao HĐQT: 106.000.000 đồng
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))	Không có	Không có
10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có		
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có		

3.2. Thành viên Ban Kiểm soát

3.2.1. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Trưởng Ban Kiểm soát

1. Tên:	Nguyễn Thị Thu Thảo	
2. Ngày sinh:	10/08/1977	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	Cử nhân	
5. Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Kế toán	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2003 - 2006	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Trưởng phòng sản xuất

Từ 2007 - 2013	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Giám đốc nhà máy
Từ 2012 - nay	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Trưởng Ban Kiểm soát
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2001 - 2003	Phòng kế toán - Công ty TNHH Media	Kế toán trưởng
Từ 2014 - nay	Công ty Cổ phần May KLW Việt Nam	Phó Giám đốc
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:		
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
- Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	0 cổ phần	0,00%
- Người đại diện theo ủy quyền	0	0
- Những người có liên quan	0 cổ phần	0,00%
9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có		
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:		
	2024	2025
10.1 Thù lao, tiền lương	- Thù lao BKS: 88.000.000 đồng	- Thù lao BKS: 88.000.000 đồng
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))	Không có	Không có
10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có		
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có		

3.2.2. Bà Vũ Hải Yến - Thành viên Ban Kiểm soát

1. Tên:	Vũ Thị Hải Yến
2. Ngày sinh:	13/11/1983
3. Quốc tịch:	Việt Nam
4. Trình độ học vấn:	Thạc sỹ

5. Năng lực chuyên môn:	Thạc sỹ Quản lý kinh tế	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2006 - 2013	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Kế toán giá thành
Từ 2017 - nay	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Thành viên BKS
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2005 - 2006	Phòng Kế toán - Công ty TNHH TM Tùng Chi	Kế toán viên
Từ 2015 - nay	Phòng Kế toán - CTCP Anh Tuấn	Kế toán trưởng
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:		
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
- Bà Vũ Hải Yến	0 cổ phần	0,00%
- Người đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần	0,00%
- Những người có liên quan	0 cổ phần	0,00%
9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có		
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:		
	2024	2025
10.1 Thù lao, tiền lương	- Thù lao BKS: 44.000.000 đồng	- Thù lao BKS: 44.000.000 đồng
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))	Không có	Không có
10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có		
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có		

3.2.3. Bà Phạm Thị Huệ Anh – Thành viên Ban Kiểm soát

1. Tên:	Phạm Thị Huệ Anh
---------	------------------

2. Ngày sinh:	24/05/1980	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	Thạc sỹ	
5. Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Tài chính Kế toán, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2006 - 2011	CTCP Nagakawa Việt Nam	Nhân viên kế toán
Từ 02/2022 - nay	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Thành viên Ban kiểm soát
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2002 - 2005	CTCP COMA18	Nhân viên kế toán
Từ 2007 – 2016	CTCP Đầu tư thương mại và Phát triển công nghệ FSI	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán
Từ 2016 - nay	CTCP Đầu tư thương mại và Phát triển công nghệ FSI	Phó Tổng Giám đốc
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:		
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
- Bà Phạm Thị Huệ Anh	0 cổ phần	0,00%
- Người đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần	0,00%
- Những người có liên quan	0 cổ phần	0,00%
9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có		
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:		
	2024	2025
10.1 Thù lao, tiền lương	- Thù lao BKS: 44.000.000 đồng	- Thù lao BKS: 44.000.000 đồng
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))	Không có	Không có
10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có		

12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

3.3. Ban điều hành

3.3.1. Bà Nguyễn Thị Huyền Thương - Tổng Giám đốc

Đã trình bày tại Mục VI.3.1.2.

3.3.2. Bà Huy Thị Dung - Phó Tổng Giám đốc

1. Tên:	Huy Thị Dung	
2. Ngày sinh:	01/06/1979	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	Cử nhân	
5. Năng lực chuyên môn:	Cử nhân kế toán	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2006 - 2007	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Kế toán trưởng
Từ 2008 - 2010	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Kế toán trưởng - CTCP Tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội
Từ 2010 - nay	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Kế toán trưởng
Từ 2010 - 2021	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Kế toán trưởng
Từ 2021 - Tháng 10/2023	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Từ Tháng 10/2023 - nay	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Phó Tổng giám đốc
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2002 - 2005	CTCP Lucky Star	Kế toán trưởng
8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:		
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
- Bà Huy Thị Dung	46.098 cổ phần	0,12%
- Người đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần	0%
- Những người có liên quan	0 cổ phần	0%

9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có		
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:		
	2024	2025
10.1 Thu lao, tiền lương	Tiền lương: 651.836.692 đồng	Tiền lương: 601.608.250 đồng
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))	Không có	Không có
10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có		
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có		

3.3.3. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Phó Tổng Giám đốc

1. Tên:	Nguyễn Thị Bích Thủy	
2. Ngày sinh:	29/12/1980	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	Cử nhân	
5. Năng lực chuyên môn:	Cử nhân quản trị kinh doanh	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2022 - nay	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Phó Tổng giám đốc
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2008 - 2010	CTCP Ô tô Trường Hải	Phụ trách PR Marketing
Từ 2010 - 2013	Công ty Pamas Clinic	Trưởng phòng Marketing
Từ 2013 - 2015	Tập đoàn Bảo Sơn	Giám đốc kinh doanh Marketing
Từ 2015 - 2022	Tập đoàn KAROFI	Giám đốc điều hành

8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:		
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
- Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	10.800 cổ phần	0,03%
- Người đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần	0%
- Những người có liên quan	0 cổ phần	0%
9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có		
10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:		
	2024	2025
10.1 Thù lao, tiền lương	Tiền lương: 580.605.007 đồng	Tiền lương: 701.696.583 đồng
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...)	Không có	Không có
10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện:		
- Tổ chức phát hành	Không có	
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có	
11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có		
12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có		

3.4. Kế toán trưởng

1. Tên:	Trịnh Thị Phụng	
2. Ngày sinh:	08/11/1983	
3. Quốc tịch:	Việt Nam	
4. Trình độ học vấn:	Thạc sỹ	
5. Năng lực chuyên môn:	Thạc sỹ kế toán	
6. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2021 – Tháng 10/2023	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Trưởng Ban Tài chính kế toán
Từ Tháng 10/2023 - nay	CTCP Tập đoàn Nagakawa	Kế toán trưởng
7. Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Tổ chức khác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ

Từ 2006 - 2007	Công ty LDQT Shinil Todimax	Kế toán Tổng hợp
Từ 2007 - 2009	Công ty TNHH Du lịch Đại Việt Á Châu	Kế toán Tổng hợp
Từ 2009 - 2011	Công ty CP Phát triển nguồn nhân lực LOD	Phụ trách Kế toán
Từ 2011 - 2016	Công ty CP Tam Kim	Kế toán trưởng
Từ 2016 - 2018	Công ty CP Công nghệ sinh học Tân Việt	Trưởng phòng KSNB
Từ 2018 - 2020	Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á	Trưởng Phòng TCKT

8. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
- Bà Trịnh Thị Phụng	520 cổ phần	0,00001%
- Người đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần	0%
- Những người có liên quan	0 cổ phần	0%

9. Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

10. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

	2024	2025
10.1 Thù lao, tiền lương	Tiền lương: 436.214.556 đồng	Tiền lương: 319.378.142 đồng
10.2 Lợi ích khác (tiền thưởng; cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...))	Không có	Không có

10.3 Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện:

- Tổ chức phát hành	Không có
- Công ty con/Công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50%	Không có

11. Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

12. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

19.310.116 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

193.101.160.000 đồng

5. Giá chào bán dự kiến

10.000 đồng/cổ phiếu.

6. Phương pháp tính giá

Nguyên tắc xác định giá cổ phiếu được xác định dựa trên giá trị sổ sách, giá trị thị trường và đánh giá mức độ pha loãng cổ phần sau khi phát hành.

➤ Giá trị sổ sách: Tại thời điểm 31/12/2025

Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu (Book Value/BV) CTCP Tập đoàn Nagakawa:

BV = Nguồn vốn chủ sở hữu/Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

$BV = 477.091.534.585 / 38.620.233 = 12.353$ đồng/cp. (Theo Báo cáo tài chính tổng hợp quý 4 năm 2025 tự lập của NAG).

$BV = 477.387.587.347 / 38.620.233 = 12.361$ đồng/cp. (Theo Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2025 tự lập của NAG).

➤ Giá trị thị trường:

Giá giao dịch bình quân của cổ phiếu NAG trong 30 phiên gần nhất từ ngày 07/01/2026 đến 24/02/2026 là: 7.677 đồng/cổ phiếu.

➤ Mức độ pha loãng cổ phiếu:

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh theo công thức sau đây:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$

Trong đó:

P: là giá tham chiếu của cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền (giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng);

Pt-1: là giá cổ phiếu trước ngày giao dịch không hưởng quyền (giá cổ phiếu trước khi bị pha loãng) – Giá định: 11.000 đồng/cổ phiếu;

I: là tỷ lệ vốn tăng, $I = 2:1$ (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu NAG tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền sẽ được hưởng tương ứng 01 quyền mua, và cứ 02 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm),

PR: là giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán mới – 10.000 đồng/cổ phần.

$$P = (11.000 + 50\% \times 10.000) / (1 + 50\%) = 10.667 \text{ (đồng)}.$$

7. Phương thức phân phối

Cổ phiếu phát hành thêm được chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ thực hiện quyền là 2:1 (nghĩa là tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cứ 02 quyền được mua thêm 01 cổ phiếu mới).

Số lượng cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua, ĐHDCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện phân phối theo tiêu chí và lựa chọn nhà đầu tư có nhu cầu và năng lực tài chính với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (đồng thời đảm bảo điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của cổ đông không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu).

Đợt chào bán không có bảo lãnh phát hành.

Việc xử lý cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và tuân thủ quy định về đầu tư góp vốn của công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp.

Số cổ phiếu do nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua khi phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, căn cứ theo Khoản 2, Điều 42, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

8. Đăng ký mua cổ phiếu**➤ Thời gian đăng ký mua cổ phiếu**

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực, tổ chức phát hành sẽ công bố việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng theo

quy định hiện hành của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; đồng thời, công bố ngày chốt danh sách cổ đông, ngày giao dịch không hưởng quyền và thời gian, địa điểm thực hiện quyền.

Các cổ đông hiện tại đăng ký thực hiện quyền hoặc chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa trong vòng tối thiểu 20 ngày theo quy định của pháp luật.

➤ **Số lượng cổ phiếu đăng ký mua và số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu**

Là số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được quyền mua theo tỷ lệ thực hiện quyền đã được Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ-NAG thông qua ngày 22/08/2025.

Không giới hạn số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu.

➤ **Phương thức thanh toán**

Các cổ đông hiện tại đăng ký thực hiện quyền hoặc chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa trong vòng tối thiểu 20 ngày theo quy định của pháp luật.

- Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Nộp tiền mua cổ phiếu phát hành thêm tại thành viên lưu ký. Số tiền mua cổ phiếu sẽ được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tổng hợp và chuyển về Tài khoản phong tỏa của Công ty theo quy định;
- Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Cổ đông đăng ký tại **Văn phòng CTCP Tập đoàn Nagakawa – Chi nhánh Hà Nội** (Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Gold Tower số 275 Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam) trong thời hạn phân phối tiền mua cổ phiếu được nộp vào Tài khoản phong tỏa.

➤ **Chuyển giao cổ phiếu**

Sau khi Công ty hoàn thành đợt chào bán và hoàn thành thay đổi đăng ký chứng khoán; cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam phân bổ vào tài khoản chứng khoán của các cổ đông đã lưu ký chứng khoán; các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán sẽ nhận được Giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu phát hành thêm tại **Văn phòng CTCP Tập đoàn Nagakawa – Chi nhánh Hà Nội** (Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Gold Tower số 275 Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam), hoặc bổ sung thông tin về số cổ phiếu mới vào Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đã cấp.

➤ **Phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết:**

Giao Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định phân phối số cổ phiếu không được các cổ đông đăng ký mua/từ chối quyền ưu tiên mua với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu không chào bán hết khi phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực	T
2	Công bố thông tin về đợt chào bán trên các phương tiện thông tin đại chúng	T đến T+7
3	Xác định ngày chốt Danh sách sở hữu cuối cùng, lập và cung cấp danh sách sở hữu cuối cùng	T+7 đến T+14
4	Phối hợp cùng VSDC, BVSC phân bổ và thông báo quyền mua đến các cổ đông	T+14 đến T+21
5	Đăng ký thực hiện quyền, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần vào Tài khoản phong tỏa	T+21 đến T+42
6	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu. Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý số cổ phiếu không chào bán hết (nếu có)	T+43 đến T+55
7	Xử lý cổ phần không bán hết	T+55 đến T+60
8	Báo cáo kết quả phát hành gửi UBCKNN	T+62
9	Thực hiện thủ tục lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung	T+72

Lộ trình thực tế có thể thay đổi theo nhu cầu thực tế của Nagakawa, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

Số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu do nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua khi phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, căn cứ theo Khoản 2, Điều 42, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào Tài khoản phong tỏa của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa như sau:

- Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An
- Số hiệu tài khoản: 111602719666
- Tên tài khoản: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

12. Biện pháp bảo đảm tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

HDQT Công ty đã thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài như sau:

- Các cổ đông của Công ty là nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền chỉ được phép:

- (i) Thực hiện quyền theo phương án tăng vốn đã thông qua;
- (ii) Và/hoặc chuyển nhượng quyền mua (bán/mua) với các nhà đầu tư nước ngoài khác và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ khác trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu;
- (iii) Bán quyền mua cho các Nhà đầu tư Việt Nam;
- (iv) Không thực hiện nhận chuyển nhượng quyền mua từ các cổ đông Việt Nam.

- Trong trường hợp khi thực hiện Phương án phát hành tăng vốn điều lệ có phát sinh cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền, HDQT Công ty không phân phối số cổ phiếu này cho nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ.

13. Các loại thuế có liên quan**➤ Thuế Giá trị gia tăng:**

Căn cứ Điều 1 Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ về việc quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội, hiện tại, Công ty đang áp dụng mức Thuế Giá trị gia tăng là 08% theo quy định của pháp luật.

➤ Thuế Thu nhập Doanh nghiệp:

Căn cứ (1) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; (2) Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp; (3) Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về Thuế Thu nhập Doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014; (4) Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014; (5) Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính; (6) Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ tài chính; (7) Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của luật quản lý thuế và nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế,

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp của Công ty được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

➤ **Các loại thuế khác:**

Đối với nhà đầu tư cá nhân:

Thu nhập từ cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu Thuế Thu nhập cá nhân với mức thuế suất như sau:

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
 - + Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại điểm 2 Điều 16 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.
 - + Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất Thuế Thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng được áp dụng theo quy định tại điểm 2 Điều 20 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013 về việc “Thu nhập về đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng vốn”.

- Thu nhập từ cổ tức: Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của các cá nhân từ cổ tức được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận được cổ tức bằng tiền mặt, Thuế Thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

Đối với nhà đầu tư tổ chức:

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán: Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất Thuế TNDN là 22% (kể từ ngày 01/01/2016 thuế suất Thuế TNDN sẽ là 20%).

Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014.

- Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

14. Thông tin về các cam kết

- Công ty cam kết đảm bảo tuân thủ quy định theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Quy chế niêm yết chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán về việc thực hiện niêm yết bổ sung cổ phiếu trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng hoặc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi. Thời gian cụ thể theo hướng dẫn tại mục VII.9 của Bản cáo bạch này.
- Ngay sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa cam kết:
 - + Thực hiện báo cáo kết quả phát hành cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
 - + Nộp hồ sơ và thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phiếu thực tế chào bán ra công chúng theo quy định tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - + Nộp hồ sơ và thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu thực tế chào bán ra công chúng tại HNX.

15. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Đợt chào bán được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ-NAG ngày 22/08/2025 và Hội đồng quản trị Công ty thông qua việc triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và các tài liệu khác liên quan. Theo đó, tổng khối lượng vốn huy động dự kiến từ đợt chào bán là **193.101.160.000 đồng** và mục đích của đợt chào bán này là thanh toán các khoản nợ vay của Công ty.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**1. Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành****Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành**

Khoản mục	Số lượng cổ phiếu phát hành (CP)	Giá dự kiến (đồng)	Số tiền dự kiến thu được (đồng)
Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	19.310.116	10.000	193.101.160.000
Tổng cộng	19.310.116		193.101.160.000

2. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành

Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến từ đợt chào bán là **193.101.160.000 đồng**. Công ty dự

kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán để thanh toán các khoản nợ vay ngân hàng của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Các mục đích	Số tiền sử dụng vốn dự kiến (đồng)	Tiến độ sử dụng vốn dự kiến
1	Trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) <i>Theo hợp đồng tín dụng số 1504/2025 – HĐCVHM/NHCT320 - HTGT ngày 16/04/2025</i>	100.000.000.000	Quý IV/2025 – Quý I/2026
2	Trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) <i>Theo hợp đồng tín dụng số 01/2024/367653/HĐTD ngày 15/09/2024 và hợp đồng tín dụng số 01/2025/367653/HĐTD ngày 31/10/2025</i>	93.101.160.000	Quý IV/2025 – Quý I/2026
Tổng cộng		193.101.160.000	

- Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ như dự kiến thì thứ tự mục đích ưu tiên, số tiền và nguồn tài trợ khác cần có như sau:
 - + Thứ tự mục đích ưu tiên: Số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán sẽ được ưu tiên giải ngân để thanh toán các khoản vay đến hạn phải trả của các Ngân hàng nêu trên theo nguyên tắc: khoản vay đến hạn trước sẽ được thanh toán trước, không phân biệt khoản vay của Ngân hàng nào, đảm bảo nghĩa vụ thanh toán và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.
 - + Số tiền và nguồn tài trợ khác: để thực hiện những mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua, tùy vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các giải pháp như sau:
 - (i) Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;
 - (ii) Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua các hình thức khác như vay ngân hàng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp, các giải pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty để thực hiện các kế hoạch đã đặt ra.

- Đối với số tiền tạm thời nhận rồi do chưa sử dụng căn cứ theo nhu cầu thực tế, Hội đồng quản trị được quyền quyết định mở (các) hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để hưởng lãi nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ phương án sử dụng vốn mà ĐHCĐ đã thông qua, lợi ích của cổ đông và Công ty.

3. Thông tin chi tiết về phương án sử dụng vốn thực hiện dự kiến

3.1. Trả nợ vay Ngân hàng Vietinbank theo HĐTD số 1504/2025 – HĐCVHM/NHCT320 - HTGT ngày 16/04/2025

- Bên cho vay: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.
- Mối quan hệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với Công ty và những người có liên quan của Công ty: Không có.
- Hạn mức hợp đồng vay: 400.000.000.000 đồng.
- Lãi suất: được ghi trên từng Giấy nhận nợ.
- Thời hạn cho vay: Thời hạn cho vay của từng Khoản Nợ được tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Cho Vay giải ngân Khoản Nợ đến ngày Bên Vay phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay. Thời hạn cho vay của từng Khoản Nợ được ghi trên Giấy Nhận Nợ nhưng tối đa không quá 07 (tháng/GNN). Trường hợp giải ngân thanh toán L/C trả chậm/UPAS L/C: Tổng thời gian cho vay + thời gian trả chậm của L/C/thời gian thanh toán UPAS L/C không vượt quá 07 tháng.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thời gian dự kiến trả nợ: Quý 1 và Quý 2 năm 2026.
- Thông tin dư nợ vay đến thời điểm 14/01/2026: 396.517.370.634 đồng.

3.2. Trả nợ vay Ngân hàng BIDV theo HĐTD số 01/2025/367653/HĐTD ngày 31/10/2025

- Bên cho vay: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- Mối quan hệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với Công ty và những người có liên quan của Công ty: Không có.
- Hạn mức hợp đồng vay: 400.000.000.000 đồng (Trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, dư phát hành L/C của Khách hàng tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các HĐTD ngắn hạn cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, Hợp đồng phát hành LC cụ thể theo HĐTD hạn mức số 01/2024/367653/HĐTD ngày 15/09/2024 sang).
- Lãi suất: được ghi trên từng Giấy nhận nợ.
- Thời hạn cho vay: được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng.
- Thời gian dự kiến trả nợ: Quý 1 và Quý 2 năm 2026.
- Thông tin dư nợ vay đến thời điểm 19/01/2026: 386.638.247.246 đồng.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN**1. Tổ chức kiểm toán:****CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

Trụ sở: Tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 06 Nguyễn Công Hoan, Phường Giảng Võ, TP Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-24) 3761 3399

Fax: (84-24) 3761 5599

2. Tổ chức tư vấn:**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**

Địa chỉ: Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-24) 3928 8080

Fax: (84-24) 3928 9888

➤ Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán:

Căn cứ theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua, Công ty dự kiến sẽ chào bán cho cổ đông hiện hữu 19.310.116 cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1 với mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tính đến thời điểm hiện tại, giá giao dịch bình quân 30 phiên của cổ phiếu NAG (từ ngày 07/01/2026 đến 24/02/2026) là 7.677 đồng/cổ phần. Mức giá này hiện thấp hơn mệnh giá và giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phần). Tuy nhiên, có thể nói diễn biến giá của cổ phiếu NAG trong thời gian qua chỉ là diễn biến ngắn hạn. Sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu, dự kiến thời gian thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu là Quý II/2026. Tại thời điểm đó, diễn biến giá cổ phiếu NAG trên thị trường có thể chịu tác động của nhiều yếu tố như: tình hình kinh tế vĩ mô, điều kiện thị trường và kết quả kinh doanh năm 2025 của Công ty... Tùy thuộc vào triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2026, cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của NAG, diễn biến giá cổ phiếu NAG sang năm 2026 có thể thay đổi, từ đó phản ánh vào khả năng thành công của đợt chào bán.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XII. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa (đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 22/09/2025).
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của CTCP Tập đoàn Nagakawa số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ-NAG ngày 22/08/2025.
3. Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa số 11/HĐQT/NQ-NAG ngày 21/10/2025 thông qua việc triển khai chào bán cổ phiếu ra công chúng.
4. Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa số 13/HĐQT/NQ-NAG ngày 21/10/2025 về việc Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài.
5. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa.
6. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 và 2024 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa.
7. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên năm 2025 đã được soát xét của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa.
8. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý 4 năm 2025 tự lập của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa.

Phủ Thọ, ngày 26 tháng 2 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Ngọc Quý

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Huyền Thương

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trịnh Thị Phượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nhữ Đình Hòa